

**LUẬN KINH KIM CƯƠNG
BÁT NHÃ BA LA MẬT
PHÁ THỦ TRƯỚC BẤT HOẠI GIẢ
DANH**

Tập 25, Thích Kinh Luận Bộ ,số 1515 ,
2 quyển, Kim Cương Bát Nhã Ba La
Mật Kinh Phá Thủ Trước Bất Hoại Giả
Danh Luận, Công Đức Thi Bồ Tát tạo
Đường Địa Bà Ha La đảnh dịch,
Nguyên Huệ Việt Dịch

Nguồn

<http://www.thuvienhoasen.org>

Mục Lục
QUYỂN 1
QUYỂN 2
HẾT

QUYỀN 1

Kính lạy bậc Giác ngộ pháp thật
 Là các phân biệt cùng hý luận
 Muốn khiến thế gian rời bùn lầy
 Trong không ngôn thuyết, hành ngôn
 thuyết.

Chỗ tạo của hết thấy dị đạo
 Không thể trừ bỏ các tướng kiến
 Kim cương đoạn trừ mọi tướng kiến
 Nên con tâm quy pháp môn ấy.
 Nghĩa bí mật trong các câu nghĩa
 Trí tuệ thế gian không thể xét
 Mở dẫn chúng con và quần sinh
 Chúng BỒ-tát kia nay kính lễ.

Giáo pháp do Phật thuyết giảng đều
 quy về 2 Đế:

1. Tục đế.

2. Chân đế.

+ **Tục đế:** Nghĩa là các phàm phu, Thanh-văn, Độc-giác, Bồ-tát, Như Lai, cho đến danh nghĩa, trí cảnh, nghiệp quả liên hệ.

+ **Chân đế:** Tức ở nơi ấy đều không có thủ đắc. Như nói đệ nhất nghĩa, không phải là đối tượng hành của trí, huông chi là văn tự. Cho đến không nghiệp, không quả của nghiệp, là tánh của các Thánh chủng. Thế nên, trong Bát-nhã Ba-la-mật này đã nói bố thí không trụ. Tất cả pháp không tướng, không thể giữ lấy, không thể nêu bày. Sinh, pháp vô ngã, không đối tượng để thủ đắc, không chủ thể chứng, không thành tựu,

không đến, không đi v.v... Đây là giải thích về Chân đế.

Lại nói nội, ngoại, thế gian, xuất thế gian, tất cả pháp tướng cùng các công đức, đây là kiến lập Tục đế, nên biết như thế.

+ Tôi nghe như vậy: Tức hiển bày kinh này là do Đức Thế Tôn hiện giác diễn nói, không phải là tự tạo ra.

+ Một thời: Là nói về thời gian thuyết giảng kinh này. Thời gian khác lại thuyết giảng vô lượng kinh. Nơi chốn thuyết giảng là tại thành Xá-vệ v.v..., là biện giải về xứ có ý nghĩa gì, đã đem lại lợi ích cho chúng sinh. Lợi ích như thế nào? Tức nhận biết địa phương ấy,

Đức Phật đã từng du hóa, cư ngụ, tâm tịnh tôn kính, gieo trồng nhân phước.

Nơi phần đầu của tất cả kinh đều nêu ra đủ, là hiển bày uy đức lớn của Đức Như Lai. Lại, người kết tập kinh đã chứng nhận về sự truyền thừa không khác với pháp đã nêu giảng. Trong các kinh Đại thừa đã nói rộng về công đức của Đức Thế Tôn, Bồ-tát. Tôn giả Tu-bồ-đề đối với chư vị ấy đã sinh tịnh tín, thế nên nói là hy hữu v.v...

Ở đây:

+ Thế Tôn: Nghĩa là có thể dứt trừ hết bốn thứ ma sợ hãi.

+ Thiện Thệ: là nơi đệ nhất nghĩa, hết thảy pháp đều không thủ đắc, đều tự chứng biết.

+ Như Lai: Là nơi ba vô số kiếp, phước trí viên mãn, như thế mà đi đến (Lai) thành tựu chánh giác.

+ Ứng: Tức các phiền não oán đều đã vĩnh viễn loại trừ.

+ Chánh: Là nghĩa không điên đảo.

+ Đẳng: Là nghĩa hiện khắp cùng đầy đủ, nên gọi là Chánh đẳng giác.

Hộ niệm có hai loại: Như Lai thâm nhận khiến tỏ ngộ, là hộ niệm chân thật. Lại khiến chuyển hóa vô lượng chúng sinh, là hộ niệm bậc nhất. Đã biết về hộ niệm, còn phó chúc là gì? Vì có trường hợp chưa thể thấy được chân thật. Đây cũng có hai loại: Các Bồ-tát kia, nơi khắp thế gian, sẽ thành tựu thể tướng độc tôn của Như Lai. Như thế là

khen ngợi, giao phó cho thiện tri thức, khiến họ xem xét, giúp đỡ, khiến người đã sinh trụ pháp Phật cùng là phó chúc tăng trưởng vì người chưa sinh thắng pháp giao phó khiến sinh, là phó chúc bậc nhất. Lại do nhân gì xả bỏ kiến chấp về nẻo chân, khen ngợi trường hợp chưa có kiến chấp. Là vì thương xót chư vị ấy chưa đạt được phẩm thiện của trí thù thắng, nên khuyên dẫn tâm kia khiến tinh tấn, dũng mãnh.

+ Thiện nam, thiện nữ phát khởi thừa Bồ-tát v.v...: Nghĩa là hộ niệm phó chúc các Bồ-tát hướng đến Phật thừa, nên làm thế nào để trụ v.v...

+ Làm thế nào để trụ?: Là đối với quả tướng nào, tâm trụ nguyện cầu.

+ Làm thế nào để tu hành?: Là nên tu tập hành nào để được quả ấy.

+ Làm thế nào để hàng phục tâm mình?: Là hàng phục những tâm nào khiến nhân đầy thanh tịnh.

Các pháp là nhân trước quả sau, do đâu trước nói quả? Tức trước là khen ngợi đức của quả, khiến người nghe vui thích mong cầu mà tu nhân.

+ Lắng nghe: Là tâm chuyên vào một cảnh.

+ Thiệu: Là ở nơi nghĩa như lý sinh tin tưởng, không nghi.

+ Tư niệm (nhớ nghĩ): Là kính giữ không quên.

+ Nên trụ như thế v.v...: Là như thứ lớp đó, nơi quả như thế mà tâm được trụ. Tu hành như thế tất chứng quả kia. Hàng phục tâm như thế, tức nhân thanh tịnh.

Ở đây, hiển bày về quả của Bồ-tát có bốn thứ tâm tương ưng với lợi ích. Những gì là bốn? Đó là:

1. Vô biên.
2. Tối thượng.
3. Ái nhiếp.
4. Chánh trí.

+ Thế nào là tâm vô biên? Kinh viết: Tất cả loài chúng sinh hiện có v.v...

Nói loài chúng sinh: Nghĩa là nhận lấy hơi thở, sự sống, gồm cả tình, giác. Đây lại là thể nào? Tức loài sinh từ trứng: như chim chóc v.v... Loài sinh từ thai: như con người v.v... Loài sinh từ nơi ẩm ướt: như các thứ côn trùng v.v... Loài sinh do biến hóa: như chur Thiên v.v... Bốn thứ như vậy đều có nhiều tộc loại.

Các chúng sinh này, trụ nơi xứ nào, dùng gì làm thể? Kinh viết: Hoặc có sắc, hoặc không sắc.

Có sắc: Nghĩa là có hình tướng.

Không sắc: Là không có hình tướng. Chúng sinh nơi ba cõi, ở đây đều gồm thấu hết.

Có hình tướng: Là cõi Dục có hai mươi xứ nương dựa. Cõi Sắc có mười bảy xứ nương dựa.

Không có hình tướng: Tức là cõi Vô sắc.

Đây lại có bao nhiêu thứ? Kinh viết: Hoặc có tướng, hoặc không tướng, hoặc phi tướng phi không tướng.

Có tướng: Nghĩa là xứ không vô biên, xứ thức vô biên, khởi tướng không, tướng thức.

Không tướng: Là xứ vô sở hữu, là ít tướng, nên gọi là không tướng.

Phi có tướng phi không tướng: Tức là thuộc cõi Hữu đảnh.

+ Số lượng chúng sinh như thế, tất cả Ta đều thấu nhận.

+ Thế nào là tâm tối thượng? Kinh viết: Ta đều khiến nhập nơi Niết-bàn vô dư mà được giải thoát.

Niết-bàn vô dư: Nghĩa là thấu tỏ các pháp là tánh không, không sinh. Vĩnh viễn dứt hết mọi hoạn nạn nơi các uẩn. Vật dụng vô biên, công đức hy hữu, sắc tướng thanh tịnh, trang nghiêm viên mãn, lợi rộng muôn loài, nghiệp diệu vô tận.

+ Thế nào là tâm ái nhiếp? Kinh viết: Giải thoát cho vô lượng chúng sinh như thế, mà thật không có chúng sinh nào được giải thoát. Đây là nghĩa thế nào? Là Bồ-tát thương yêu tất cả chúng

sinh, đồng nơi thân mình, nên chúng sinh giải thoát tức là mình, không khác. Đó gọi là ái nhiếp. Nếu là các Bồ-tát nhập nơi Địa thứ nhất của đệ nhất nghĩa không có tướng về chúng sinh, do chúng sinh không thể thủ đắc. Như người Dự lưu không khởi thân kiến, Bồ-tát kia không thấy một chúng sinh nào là đối tượng được hóa độ.

+ Thế nào là tâm chánh trí? Kinh viết: Nếu có tướng chúng sinh, tức không gọi là Bồ-tát.

Gọi là những gì? Đó là phàm phu. Vì sao? Vì do mê lầm nơi đệ nhất nghĩa, khởi các tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng mạng, tướng thủ giả. Nếu chúng đắc đệ nhất nghĩa chân thật, thì các

tưởng như chúng sinh v.v... quyết định không sinh. Ở đây, do diệu lực của Bát-nhã nên chúng đắc đệ nhất nghĩa, hết thảy chúng sinh đều không thể đạt được. Do tâm đại bi nên thường gần bó với chúng sinh, ở nơi sinh tử, tùy thuận hóa độ, dẫn dắt. Bốn thứ như thế là quả tạo lợi ích cho chúng sinh, nên dùng tục để để khiến tâm trụ. Bốn thứ tâm đó là nhân của quả viên mãn, phần tiếp theo nên hiển bày. Do đây kinh viết: Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Bồ-tát không trụ nơi sự để hành bố thí v.v...:

Trong tên gọi bố thí này gồm đủ 6 Ba-la-mật. Thí có 3 loại thâu giữ nơi 6. Những gì là 3?

1. Tư sinh thí (Tài thí).

2. Vô úy thí.

3. Pháp thí.

Ở đây, Tư sinh thí gồm thâu Bồ thí Ba-la-mật. Vô úy thí gồm thâu 2 Ba-la-mật là Trì giới và Nhẫn nhục. Đối với việc ác đã làm, chưa làm cho mình đều không sợ hãi. Pháp thí gồm thâu 3 Ba-la-mật còn lại. Tinh tấn không mệt mỏi dẫn phát các thần thông. Như không thủ đắc, vì người giảng nói. Hoặc tất cả các Ba-la-mật kia, vì kẻ khác mở bày, diễn giảng, đều thành pháp thí. Sự v.v... là những gì? Thế nào là không trụ nơi sự? Tức tự thân, thân này luôn có vô số sự việc như khổ vui v.v...

+ Không trụ: Nghĩa là ở trong đó, tâm không tham ái, vướng mắc.

+ Không chỗ trụ: Là không mong cầu báo ân.

+ Không trụ nơi sắc v.v...: Là tâm không mong cầu các cảnh vừa ý. Lại do nghĩa nào nên không trụ nơi chúng? Do tâm giữ nơi mình, không thể hành tuệ thí. Nếu có mong cầu khác thì thoái mất Bồ-đề.

Lại nữa, không trụ nơi sự là dựa nơi tư sinh thí mà nói. Nghĩa là người bố thí, đối với các vật thí như của cải v.v... không nên ái chấp. Ái mà hành thí, tâm tất sinh khổ. Hoặc sau khi thí, trở lại hối tiếc.

Không chỗ trụ: Là dựa nơi vô úy thí mà nói. Tức các Bồ-tát, lúc tu tập về

giới, nhân, không nên sinh tâm cầu quả báo.

Không trụ nơi sắc v.v...: Là dựa nơi pháp thí mà nói. Pháp thí có hai quả: Là hiện đời, đời khác. Ở trong hai thứ quả ấy không nên tham chấp. Quả của hiện đời: Là những vật dụng nơi năm cảnh như sắc v.v... Đây lại là thế nào? Người thuyết giảng pháp, được nhiều người kính ngưỡng, nên dùng các thứ sắc diệu v.v... như hương hoa, kỹ nhạc, thức ăn uống, y phục cúng dường. Quả của đời khác: Là dựa nơi cảnh của pháp mà nói.

Vì sao trong ấy cũng không trụ? Nếu các Bồ-tát, lúc chứng đắc chân thật, cho đến Pháp thân cũng không thủ đắc.

Thế nào là tu hành sáu Ba-la-mật là nhân đạt được thanh tịnh? Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên bố thí như thế: Không trụ nơi tướng, tướng v.v... Nghĩa ấy là thế nào? Tức là các Bồ-tát, ở trong đệ nhất nghĩa, người thí, kẻ nhận, cùng vật dùng để thí, các tướng về danh, nghĩa, trí, cảnh không sinh khởi, tức là nhân hàng phục tâm khiến thanh tịnh. Hoặc cho, có bố thí v.v..., tức có thể sinh nhóm (số lượng) phước. Ba sự đều quên thì phước ở đâu mà có? Đây là nói về đệ nhất nghĩa, nên không trụ nơi tướng. Theo tục đế nên hành thí, nhóm phước như thế là khó có thể lường tính, như hư không trong mười phương rộng khắp, vô tận. Trước nhân nơi xứ hành thí, nên tán thán về phước

ấy. Ở đây nói, là làm sao hàng phục nơi tâm? Tức các tướng không sinh. Không sinh tướng thì hành thí mới thanh tịnh. Do nhân thanh tịnh, nên phước là vô biên.

* Từ đây trở xuống, tất cả phần Hỏi – Đáp của kinh là nhằm trừ bỏ nghi. Thọ trì chánh pháp đạt phước đức, uy lực. Uy lực này thành tựu tất cả pháp tu tập. Tu hành tự nhiên đạt quả, nhân nơi tướng thanh tịnh. Tánh Như Lai tạng của tất cả chúng sinh là cảnh giới Phật, thấy Pháp thân Phật nơi tướng pháp giới. Không trụ nơi Niết-bàn, quán xét hữu vi. Đức Thế Tôn thuyết giảng rồi, Thánh giả Tu-bồ-đề nghi, nêu: Nếu Bồ-tát lúc bố thí, pháp cũng không trụ, thì vì sao do cầu đạt tướng tốt nên hành

bồ thí? Pháp công đức tích tụ như trăm phước tướng, gọi là Thế Tôn? Nếu không trụ nơi pháp thì làm sao thành tựu được thể tướng của chư Phật?

Vì nhằm trừ bỏ nghi vấn ấy, kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng? Không thể, bạch Đức Thế Tôn! v.v...

+ Tướng thành tựu: Là vô thường. Như kinh nói: Phạm các tướng hiện có đều là hư vọng. Các tướng phi tướng, tức phi hư vọng.

+ Phi hư vọng: Đó là chân thật. Do chân thật nên gọi là Như Lai. Các tướng nếu giữ lấy là hư dối. Như kinh nói: Nên dùng các tướng phi tướng mà

thấy Như Lai. Tức tướng nêu cầu không thủ đắc. Nếu có thể xa lìa sự mong cầu các quả, cho đến Pháp thân cũng không thủ đắc. Luôn hành thí không trụ như thế, tức đối với Phật thân mau chóng thành tựu viên mãn.

* Thánh giả Tu-bồ-đề lại nghi, nêu: Nếu ba thứ thí đều không thủ đắc là nhân thanh tịnh, rõ tướng tánh không là quả chân thật, thì ở trong đời sau, ai là người vui thích tin tưởng? Chỉ nói toàn là không thì đồng nơi Thạch nữ, do đó đã thưa hỏi: Từng có chúng sinh, nơi đời vị lai, năm mươi năm sau, lúc pháp sắp diệt, nghe kinh này, sinh khởi tưởng thật chăng?

Vì nhằm dứt trừ nghi vấn ấy, kinh nêu:
 Đây Tu-bồ-đề! Chớ nên nói như thế!
 v.v....

+ Năm mươi năm sau: Thọ mạng của con người là một trăm tuổi, chia làm hai phần: Phần đầu năm mươi, giáo lực tăng mạnh. Phần sau thì suy giảm dần. Phật Bát-Niết-bàn rồi, gọi là đời vị lai, ở đây, chánh pháp lúc sắp diệt, giáo lực giảm yếu, do đó nói là năm mươi năm sau.

Bồ-tát Ma-ha-tát, nghĩa ấy thế nào? Ở nơi xứ Bồ-đề, có tâm quyết định là Bồ-tát. Đối với tất cả chúng sinh thế nguyện khởi tạo lợi ích, là Ma-ha-tát.

+ Thế nào lại gọi là có Thi-la (Giới)? Trong đời quá khứ, gặp vô lượng Phật, đều cúng dường. Cúng dường có 3 thứ:

1. Gân gũi hầu cận.
2. Bày biện đầy đủ các vật cần dùng.
3. Tuân hành pháp yếu.

Có thể giữ gìn nên gọi là Thi-la. Nghĩa là có thể khéo giữ sáu căn. Thi-la lại có 3:

1. Thi-la có thể lìa: Lìa nơi mười nghiệp bất thiện.
2. Thi-la có thể tạo tác: Tác nghiệp nơi Bồ-đề phần.
3. Thi-la có thể hướng tới: Hướng tới nơi đệ nhất nghĩa đế.

+ Thế nào lại gọi là có công đức? Gieo trồng ba thiện căn như không tham v.v... Ngay thẳng, hòa dịu, cùng có đủ trí, bi, đó gọi là công đức.

+ Thế nào lại gọi là có trí tuệ? Nhận biết rõ về sinh, pháp, hai thứ đều vô ngã. Nhận biết rõ như thế, lìa nơi tám tướng sinh pháp, mỗi thứ đều có bốn thứ tướng.

+ Lìa tướng sinh: Kinh nói: Các Bồ-tát ấy không có các tướng ngã, tướng chúng sinh, tướng mạng, tướng thủ giả. Nghĩa này là thế nào? Có dụng của chủ thể gọi là ngã. Quán đúng thực về các uẩn không có thể tướng kia. Tướng vô ngã an trụ nơi tánh thường gọi là chúng sinh. Các uẩn vô thường nối tiếp lưu

chuyên, không có một pháp nào là tánh an trụ, nên không có tướng chúng sinh. Như có kinh nói: Ông nay trong từng sát-na, cũng sinh, cũng già, cũng chết, nên không có tướng mạng. Các uẩn tuần hoàn, thọ nhận các nẻo khác, gọi là “Thủ giả”. Ở đây, không có người có thể nhận lấy các nẻo, xả bỏ hiện uẩn, thọ nhận uẩn sau, như bỏ áo cũ, mặc lấy áo mới. Nhưng dựa nơi tục đế, ví như nhân nơi vật thật mà hiện ra hình tượng vật thật không đến hình tượng mà có hình tượng hiện bày. Do uẩn trước nêu uẩn sau tiếp tục sinh. Trước không đến sau mà sau nối tiếp. Do đó Bồ-tát không có tướng thủ giả. Đây nghĩa là nhận biết rõ tánh của sinh là vô ngã.

+ Lìa tướng pháp: Kinh viết: Không có tướng pháp, cũng không có tướng phi pháp. Không tướng cũng không phi tướng. Đây lại là thế nào? Pháp của đệ nhất nghĩa vốn không sinh, nên không có tướng pháp. Do không sinh nên cũng không có diệt, nên không có tướng phi pháp. Lìa phân biệt pháp, phi pháp nên không tướng. Đây nói không tướng chính là hiển bày tướng không, chẳng phải cho là có pháp mà gọi là phi tướng.

Lại nữa, tuy nơi đệ nhất nghĩa lìa tất cả tướng, nhưng tùy theo ngôn ngữ của thế gian mà nói về tướng. Thế nên Bồ-tát cũng không phi tướng. Đây nghĩa là nhận biết rõ tánh của pháp là vô ngã.

Vì sao chỉ nói có trì giới gieo trồng thiện như Thi-la v.v...? Vì có thể đầy khởi trí tuệ tin sâu, thấy sinh đúng nơi tướng thật. Hết thấy công đức cùng được gồm thâu ở đây. Lại do nghĩa gì nói là thấy biết? Vì điều ấy khiến các Bồ-tát tâm dũng mãnh, gắng sức. Nói như vậy: Ta nay tin hiểu chỗ thấy biết của Như Lai, nên lại chuyên cần tu các pháp thiện. Do đâu hai thứ thấy, biết cùng được nói đến? Vì muốn mở bày rõ về Nhất thiết trí. Đây lại là thế nào? Nhất thiết trí ấy, nơi các cảnh giới đều hiện nhận biết rõ ràng, không phải như tử trí thấy khởi nhận biết có lửa, không thể soi chiếu rõ về các tướng có sai biệt. Cũng không phải như nhục nhãn, chỉ thấy các vật thô, gần, chương vi tế,

xứ xa thì không thể nhận biết, chỉ theo đây nói đồng hoặc như đây. Nếu các Bồ-tát đây khởi các tướng như ngã v.v..., cùng các tướng như pháp v.v... thì có lỗi làm gì? Tức nhân đây sinh các chấp như ngã v.v...

Thế nào là các tướng như ngã, sinh khởi các chấp như ngã v.v...? Tức nếu sinh chấp ấy là do có tướng kia.

Thế nào là các tướng như pháp v.v..., sinh khởi các chấp như ngã v.v...? Tức ngã, ngã sở trong uẩn đây khởi tướng pháp, phi pháp, chẳng phải ở nơi cây cối v.v... của vô ngã. Kinh nói: Không nên giữ lấy pháp, không nên giữ lấy phi pháp. Nghĩa ấy là thế nào? Là xả bỏ hai biên. Pháp có tánh tướng hãy

còn không nên giữ lấy, huông chi là phi pháp vốn không có tánh tướng.

Lại nữa, không phân biệt: Là thiện, như pháp hãy còn không giữ lấy, huông hồ là bất thiện, phi pháp. Hoặc suy nghĩ: Bất thiện thì không nên giữ lấy, do đâu không giữ lấy thiện? Nếu pháp cũng không giữ lấy, thì vì sao Đức Phật trong ba vô số kiếp đã tích tập tư lương? Do đây, kinh viết: Do nghĩa ấy, nên Như Lai thường nói dụ như chiếc bè, pháp hãy còn nên bỏ, huông chi là phi pháp. Nghĩa này là thế nào?

Như muốn qua sông, trước nên dùng bè, đến bờ bên kia rồi, thì bỏ bè mà đi. Đức Thế Tôn cũng vậy. Muốn vượt qua dòng chảy khổ, phải nhờ vào bè tư

lượng, vượt khỏi tất cả quả lên bờ Niết-bàn, nhân lạc hãy còn lìa, hưởng chi là nhân khô. Như Kinh Tượng Hiệp nói: Nếu ra khỏi sinh tử, chúng đắc cảnh giới Niết-bàn, thì nhân của quả ái, phi ái, nhân của pháp, phi pháp, tất cả đều bỏ.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu lúc chúng đắc, pháp - phi pháp đều bỏ, thì do đâu Đức Thế Tôn, dùng một niệm tương ưng với chánh trí, hiện giác các pháp, để thuyết giảng?

Vì nhằm dứt trừ nghi vấn ấy, kinh nói: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có chúng đắc đạo quả Chánh đẳng giác vô thượng chắng? Như Lai có thuyết pháp chắng? v.v...

Đây là biện minh về nghĩa gì? Tức hiển bày Đức Thế Tôn chứng đắc nơi chân thật, không pháp có thể giữ lấy.

+ Nói các pháp: Là thuận theo danh, ngôn của thế tục, không phải là đệ nhất nghĩa. Nếu pháp, phi pháp đều không giữ lấy, tức dựa nơi Tục đế mà nói, gọi là Bồ-đề không có vật thật. Như nói: Đại Phạm! Chư Phật, Như Lai chứng đắc Bồ-đề, nghĩa là “Vô sở đắc”. Nếu là “Vô sở đắc” thì vì sao Đức Thế Tôn có các thứ sự việc thuận theo? Bản nguyện của Như Lai là đem lại lợi ích cho khắp quần sinh: Ta thành Chánh giác, lìa các phân biệt, không do tác ý, cho đến chúng sinh, sinh tử chưa đoạn hết, tùy theo chủng loại, ham muốn vui thích chẳng đồng, hình tướng ngôn ngữ

sai biệt, đều ứng hiện. Nơi tánh của các pháp đều vô sở đắc, là chứng đắc Bồ-đề cũng gọi là Pháp thân. Bồ-đề, Pháp thân đều “Vô sở đắc”. Tuy không động niệm, nhưng do diệu lực của thế nguyện từ trước, nên có vô biên sắc tượng dùng để trang nghiêm thân, mười phương cõi nước hành hóa khắp không ngăn ngại, phàm có thấy nghe, không ai là không nhận được ân ích. Thánh giả Tu-bồ-đề, do Bồ-đề vô sinh, nên mật ý đáp: Không có chút pháp nào để Như Lai chứng đắc. Tức không phải ở nơi vô sinh mà không hiện chứng. Như kinh nói: Như Lai thuyết giảng pháp, đều không thể giữ lấy, không thể nêu bày, là phi pháp, phi phi pháp. Nghĩa ấy là thế nào?

+ Vô sinh: Tức phi thị pháp, cũng phi phi pháp. Pháp, phi pháp là cảnh phân biệt.

+ Không thể giữ lấy, không thể nêu bày: Là không thể giữ lấy, thuyết giảng. Vì chúng đặc là “Vô sở đắc”. Như kinh nói: Do tướng vô vi nên gọi là Thánh nhân.

+ Vô vi: Là nghĩa “Vô sở đắc”.

+ Tướng vô vi: Là nghĩa tự tánh của “Vô sở đắc”.

+ Thánh nhân: Là nghĩa thấy chân như.

Thánh giả Tu-bồ-đề lại suy niệm: Có Thi-la (Giới) v.v..., nếu nơi kinh này khởi tin tưởng sâu xa, thì phước đức có được như thế nào? Do đó đã biện minh

rộng về uy lực của việc thọ trì pháp. Kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Nếu đem bảy thứ báu đầy khắp trong Tam thiên đại thiên thế giới để bố thí, cho đến: Vì người khác thuyết giảng v.v...

+ Vì người khác thuyết giảng: Nghĩa là đối với hai đế: hữu sở đắc, vô sở đắc, lý khéo có thể mở bày diễn nói không điên đảo.

+ Phước đức có được ấy hơn hẳn trường hợp kia vô lượng A-tăng-kỳ: Tức không phải là chỗ lường xét của tâm, là vô lượng. Sáu mươi phần vị số cũng không thể bằng A-tăng-kỳ.

+ Nhóm phước đức tức phi nhóm phước đức: Là tài thí tuy nhiều nhưng

so với phước đức có được do thọ trì kinh thì rất ít. Phước đức do thọ trì kinh có nhiều, vì đã thành lập 2 môn: giáo, lý.

Thế nào là giáo? Như có kinh nói: Tối thắng trong thí, đó là pháp thí. Nay ở đây, thí bằng bảy báu là thuộc về tài thí.

Thế nào là lý? Tài thí tuy đạt được quả giàu có, nhưng là ở nơi sinh tử, vô thường, hư hoại. Pháp thí có thể thành tựu công đức cứu cánh, đoạn trừ vĩnh viễn hết thảy nhân khổ của sinh tử. Như kinh nói: Đạo quả Bồ-đề Vô thượng từ nơi kinh này xuất khởi. Chư Phật, Như Lai, từ nơi kinh này sinh ra.

Thế nào là xuất sinh? Tức dựa nơi pháp môn ấy, tâm không thủ đắc, chứng nhập lý vô sinh nơi Bồ-đề vi diệu.

Lại nói nghĩa vô sinh v.v... của các pháp, là nói về luật nghi. Từ đây sinh khởi thân các đức. Do tương luật nghi của thân khiến nghiệp viên mãn sinh hóa thân.

Lại do từ nghĩa nào, tức thí chỉ đạt được quả là của cải nhiều, ngôi vị lớn, không phải là nhân của chư Phật? Kinh nói: Phật pháp, tức phi Phật pháp, đó gọi là Phật pháp. Nghĩa này là thế nào? Thể tánh của các pháp là không, không có thực. Ở đây, nếu mở bày, làm rõ là Pháp thân của Phật. Người tánh thấy có, là đối với pháp chưa tỏ ngộ. Dựa

nơi mật ý này nói là phi Phật pháp. Nếu nhận biết tánh của pháp là không, giác ngộ điều ấy nên gọi là Phật. pháp này Phật có, người khác thì không, đó gọi là Phật pháp. Do thọ trì chánh pháp, thấu tỏ pháp là tánh không, nên hành nơi tài thí không thể đạt được phước nhiều như là pháp thí, là do nghĩa ấy.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu pháp được chứng đắc không có tánh, thì bốn Thánh quả làm sao được thành? Không thấy nơi thế gian không vật mà có quả. Vì trừ bỏ nghi ấy, kinh nói: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Vì Tu-đà-hoàn có thể khởi niệm: Ta chứng đắc quả Tu-đà-hoàn chăng? Tu-bồ-đề

thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn!
v.v...

Do đâu gọi là Tu-đà-hoàn? Do dựa vào dòng vô đắc. Thế nào là vô đắc? Là đối với các cảnh như sắc v.v... đều không thủ đắc. Đạt 15 niệm là kiến đạo, nhân đây hướng tới quả, gọi đó là hướng quả. Niệm thứ 16 gọi là trụ quả. Hai nẻo người, trời, tối đa là bảy lần sinh. Do đâu có bảy lần sinh? Là do còn có 7 kiết. 7 kiết là: Tham, sân nơi cõi Dục. Hữu tham, ái, trạo, mạn, vô minh nơi cõi Sắc, Vô sắc. Từ đây lại đoạn trừ các Hoặc do tu đạo đoạn trong cõi Dục, cho đến năm phàm, gọi là hướng Tu-đà-hàm. Ở đây, lại nói hai thứ Gia gia: Là trời và người. Gia gia của trời: Nghĩa là tại nẻo trời, hoặc nơi một

cảnh trời, hoặc nơi hai, ba cảnh trời, các Gia lưu chuyển mà Bát-Niết-bàn. Gia gia của người: Là tại nẻo người, hoặc ở nơi châu này, hoặc trong châu khác, các Gia lưu chuyển mà Bát-Niết-bàn. Hết phẩm thứ 6 gọi là trụ nơi quả ấy, lại một lần sinh đến thế gian này. Như vậy, theo thứ lớp lại đoạn trừ hai phẩm, một lần sinh là thời gian sẽ Bát-Niết-bàn. Đó tức gọi là hướng A-na-hàm. Chín phẩm vĩnh viễn lìa dứt, gọi là trụ nơi quả ấy. Lại không còn sinh trở lại nơi cõi Dục. Như vậy, lại đoạn trừ dục của địa sơ thiên, cho đến khi đạo vô gián đoạn trừ phẩm thứ 9 nơi cõi Hữu đảnh, tất cả gọi là hướng A-la-hán. Đạo vô gián này cũng gọi là định kim cang dụ, do có thể hủy hoại vĩnh

viễn các tùy miên, hoặc, đến đạo giải thoát gọi là tận trí, đồng thời sinh cùng với đặc lậu tận. Như thế gọi là trụ nơi quả A-la-hán. Nên tạo sự lợi ích cho mình, người. Nên được tất cả người có tham chấp cúng dường.

Bốn vị như thế đều không khởi niệm: Ta có thể chứng đắc quả. Vì sao? Vì lúc chứng đắc là vô sở đắc. Như kinh nói: Thật không có pháp gọi là Tu-đà-hoàn, cho đến thật không có pháp gọi là A-la-hán. Do đâu không muốn khởi niệm đắc quả? Vì nếu sinh niệm ấy là có các chấp giữ như ngã v.v... Người lìa thân kiến thì không còn chấp giữ đó. Thế nên trước nói, do tướng vô vi nên gọi là Thánh nhân.

+ Tướng vô vi: Là nghĩa tướng của tánh không.

Thánh giả Tu-bồ-đề nêu bày chỗ chứng đắc của mình, xác nhận là không có niệm ấy, nói: Như Lai nói con là người hành không tranh bậc nhất, con là A-la-hán lìa dục. Con không niệm v.v... Nghĩa này là thế nào? Nếu Thánh giả Tu-bồ-đề hành nơi không tranh, chẳng tỏ ngộ “tức không”, thì vì sao Như Lai khen ngợi, nói là bậc nhất. Nói bậc nhất, là đã tỏ ngộ “tức không”. Như kinh nói: Do Tu-bồ-đề thật sự là “không chỗ hành”.

Thế nào là tranh chấp? Đó là phiền não. Lìa phiền não ấy, gọi là định không tranh. Tu-bồ-đề trụ nơi định đó,

các chương và tranh chấp đều không còn hiện hành. Tùy thuận thế tục, nên nói: Hành không tranh, hành không tranh.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu các vị Dự lưu v.v... không chứng đắc tự quả, thì vì sao Đức Thế Tôn khi gặp Đức Phật Nhiên Đăng, đã đạt được Nhân vô sinh? Vì nhằm loại trừ nghi này, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai, về thời xa xưa, tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đối với pháp có chỗ giữ lấy chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! v.v... Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Tức hiển bày về thời xa xưa, lúc gặp Đức Phật Nhiên Đăng, Đức Như Lai đã tỏ ngộ về vô sinh, không pháp có thể giữ lấy.

+ Nói đạt được nhân: Là do tục đế. Như nói đạt được Bồ-đề, nghĩa là vô sở đắc.

Lại có kinh nói: Nay Văn-thù-sư-lợi! Ta an tọa nơi đạo tràng, không thủ đắc mà khởi đạo tràng kim cang. Kinh lại nói như vậy: Pháp hiện có của Ta đều không thể thủ đắc. Hoặc hàng Thanh-văn, Độc-giác và cả Như Lai. Hoặc nói: Ngôn ngữ không thể giữ lấy đối với pháp chứng đắc. Không phải trí thì không giữ lấy. Đây nói là trái với kinh? Kinh nói về đệ nhất nghĩa, không phải là đối tượng hành của trí, hướng chi là văn tự.

Lại nữa, cảnh nơi đối tượng nhận thức của trí, gọi là cảnh của đối tượng được

giảng giải, là đối tượng chứng đắc của hai trí sai biệt. Gọi là chẳng hành thứ nhất (?), vậy do nghĩa nào cần nói là ngôn ngữ không thể giữ lấy? (?). Đây hoặc là đã giản lược thái quá (?), nên nói đầy đủ: Răng môi, chân tay, các phần của thân v.v... không thể giữ lấy (?).

Lại nữa, trong một số kinh khác, Đức Thế Tôn đã tự giải thích: Tại trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, đã đạt được trí vô sinh, không giữ lấy các pháp. Như kinh kia nói: Nay Hải Tuệ nên biết! Bồ-tát có 4 loại:

1. Bồ-tát mới phát tâm.
2. Bồ-tát tu hành.
3. Bồ-tát không thoái chuyển.

4. BỒ-tát Nhất sinh bồ xứ.

Ở đây, BỒ-tát mới phát tâm thấy Như Lai sắc tướng. BỒ-tát tu hành thấy Như Lai thành tựu công đức. BỒ-tát không thối chuyển thấy Như Lai Pháp thân. BỒ-tát Nhất sinh bồ xứ thấy phi sắc tướng, thấy phi thành tựu công đức, thấy phi Pháp thân. Vì sao? Vì BỒ-tát ấy đã dùng tuệ nhãn thanh tịnh để quán xét, dựa nơi tuệ tịnh để trụ, nương nơi tuệ tịnh để hành.

Tuệ tịnh: Là không chôn hành, không hý luận, không còn là thấy (kiến). Vì sao? Vì kiến, phi kiến là hai biên, xa lìa hai biên tức là thấy Phật. Nếu thấy được Phật tức thấy tự thân. Thấy thân thanh tịnh, thấy Phật thanh tịnh. Thấy

Phật thanh tịnh, là thấy tất cả pháp thấy đều thanh tịnh, trong ấy, thấy trí thanh tịnh cũng lại thanh tịnh. Đó gọi là thấy Phật.

Này Hải Tuệ! Ta đã thấy Đức Như Lai Nhiên Đăng như thế, chứng đắc Nhân vô sinh, đạt được lý vô đắc - vô sở đắc. Tức vào lúc ấy, Ta đã bay lên hư không, cao bằng bảy cây Đa-la, trí Nhất thiết trí sáng tỏ hiện tiền, đoạn trừ các phẩm kiến, vượt các thứ phân biệt, phân biệt khác, phân biệt khắp, không trụ nơi tất cả cảnh giới của thức, đắc sáu vạn Tam-muội. Như Lai Nhiên Đăng tức thọ ký cho Ta: Vào đời vị lai, ông sẽ thành tựu quả vị Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni. Âm thanh thọ ký ấy không đến nơi tai, cũng không phải là

chỗ có thể nhận biết của trí khác, cũng không phải là Ta tối tăm, mịt mờ đều không hiểu biết gì, nhưng là “Vô sở đắc” cũng không có tưởng về Phật, không có tưởng về ngã, không có tưởng về thọ ký, nói thọ ký, cho đến nói rộng.

+ Nói không có tưởng: Là hiển bày trí chứng nhưng không chấp giữ.

+ Tưởng: Là pháp của tâm, không phải là lời nói.

Nên biết ở đây, nói cảnh giới của trí, thế nên nói dùng tuệ nhãn thanh tịnh mà quán xét.

Lại nữa, Nhãn vô sinh: Là pháp của tâm, không phải là pháp của ngôn ngữ.

Lại nữa, chúng nơi vô đắc - vô sở đắc: Là do pháp vô tánh nên không thể thủ đắc. Lý vô đắc ấy có thể đắc chăng?, đều không sở đắc thì trí đâu có thể giữ lấy.

Lại nữa, đoạn trừ các phẩm kiến, vượt quá các thứ phân biệt về phẩm kiến, phân biệt về trí, pháp không phải là ngôn ngữ.

Lại nữa, không trụ nơi tất cả cảnh giới của thức, không nói là không trụ nơi tất cả cảnh giới của ngôn ngữ. Không có đối tượng được giữ lấy, là cảnh giới của trí, vì sao có sự khác lại cố cho là ngăn chận ngôn ngữ?

* Lại nữa, nghi vấn nêu: Nếu trí cũng không thể giữ lấy các pháp Phật, thì vì

sao Bồ-tát dùng trí để giữ lấy công đức nơi cõi Phật nhằm hưng khởi thế nguyện? Vì để loại trừ nghi vấn ấy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Nếu Bồ-tát nói như vậy: Ta đã thành tựu việc làm trang nghiêm quốc độ của Phật, thì người ấy nói không thật v.v... Dùng các thứ châu báu đẹp đẽ, khác lạ tô điểm khiến tâm ý vui thích gọi là trang nghiêm. Quốc độ kia có thể tướng, tánh là sắc v.v..., còn trong đệ nhất nghĩa, thì điều ấy không thể được, nên nói là phi trang nghiêm. Nhưng dựa nơi tục đế, do trí thành tựu, đó gọi là trang nghiêm. Bồ-tát nên không sinh có tâm trụ như thế: Ta tạo tác, ta thành tựu. Tâm trụ như vậy là không nên sinh.

+ Không nên sinh tâm trụ nơi sắc v.v...: Là đối với các quả như sắc v.v... không nên cầu.

+ Nên không chỗ trụ để sinh khởi tâm: Là do trí thành tựu nhưng không trụ, nên sinh tâm như vậy.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu không giữ lấy tất cả pháp, thì vì sao chư Phật đã giữ lấy thân tỳ tại hiện hữu khắp? Vì để loại bỏ nghi vấn này, kinh viết: Đây Tu-bồ-đề! Ví như có người thân như núi chúa Tu-di v.v...

Dụ này hiển bày về pháp tương tự nơi thân tỳ tại kia, nghĩa ấy là thế nào? Như núi Tu-di, do sức của cộng nghiệp, tuy không phân biệt mà sinh thể lớn. Như Lai cũng thế. Nơi vô

lượng kiếp tu các hành phước, tuy đạt được đại thân, nhưng không phân biệt.

Như Lai do đâu đồng với núi Tu-di là không phân biệt? Trong đệ nhất nghĩa, núi cùng sắc thân là không thể tách, nên hình tướng ấy đều là hữu vi. Như kinh nói: Vì sao? Vì Phật nói phi thân, đó gọi là thân. Phi nghĩa là có thân gọi là đại thân.

Lại nữa, hiển bày việc thọ trì chánh pháp, phước có được là rất nhiều, thế nên ở đây lại nói thí dụ lần nữa. Kinh viết: Như số lượng cát hiện có nơi sông Hằng, như thế số lượng sông Hằng cũng nhiều như số lượng cát ấy. Theo ý của Tôn giả thì thế nào, số lượng cát nơi những con sông Hằng đó, nên cho

là nhiều chãng? v.v... Thắng dụ này vì sao không nêu lên trước? Do các phàm phu chưa thấy chân thật, nên trước vì họ nói rộng về chỗ không sinh tin hiểu, lần lượt nghe rồi mới sinh tin tưởng.

Lại nữa, thọ trì chánh pháp, phước có được rất nhiều, là do 13 thứ nhân nên có thể thành tựu. 13 thứ nhân là:

1. Nơi chốn đáng cung kính.
2. Người đáng tôn sùng.
3. Hết thấy nhân hơn hẳn.
4. Nghĩa ấy là vô thượng.
5. Vượt cả trong, ngoài.
6. Nhân của sắc tướng Phật thù thắng.
7. Vượt phước nội thí.

8. Xuất hiện đồng Phật.
9. Mong cầu có thể tin hiểu.
10. Khó có người tu hành.
11. Tin tu quả lớn.
12. Tín, giải thành tựu.
13. Uy lực không gì hơn.

Do đâu Đức Thế Tôn đã ân cần nêu rõ tướng của các nhân ấy? Do các chúng sinh hành tư sinh thí (Tài thí) cầu đạt về tài sản, địa vị, không thọ trì chánh pháp, để đoạn trừ nhân của các khổ.

+ Ở đây, nơi chốn đáng cung kính: Kinh viết: Lại nữa, này Tu-bồ-đề! Tùy theo nơi chốn hiện có thuyết giảng pháp môn này, cho đến: Một bài kệ

bốn câu, nên biết nơi chốn ấy tức là Tháp miếu.

+ Người đáng tôn sùng: Kinh nói: Nên biết là người ấy đã thành tựu pháp hy hữu tối thượng v.v...

+ Hết thấy nhân hơn hẳn: Kinh viết: Pháp môn này nên gọi là gì?, cho đến: Gọi là Bát-nhã Ba-la-mật v.v... Nghĩa này là thế nào? Tức chư Phật, Bồ-tát, do Bát-nhã Ba-la-mật, nên đối với thế gian, xuất thế gian đều nhận biết rõ hơn hết. Nay, nơi pháp môn này đã chỉ dạy như thế. Làm sao nhận biết? Như kinh nói: Tức phi Ba-la-mật. Đây lại là thế nào? Là trí nơi bến bờ công đức không thể lường xét.

Lại nữa, không phải là bờ kia: Nghĩa là, pháp trí của ba cõi có thể xung nêu, nhận biết là không kiên cố. Do đệ nhất nghĩa bản tánh không sinh, do đó nói là phi Ba-la-mật.

+ Nghĩa ấy là vô thượng: Tức nghĩa như thế, không có gì hơn, ở trên. Như kinh nói: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thuyết pháp chẳng? v.v... Nghĩa đó là sao? Do trong Bát-nhã Ba-la-mật, không pháp có thể thủ đắc, thế nên Như Lai cũng không thể dùng văn tự để giảng nói. Chỉ nơi phần lượng này nói là Bồ-đề. Như có kinh nói:

Dấu chim trong không chẳng thể đạt
Tánh Bồ-đề cũng lại như vậy.

+ Nói Bô-tát: Là ở trong nẻo “vô đắc” đã có thể nhận biết rõ.

+ Vượt số lượng nhiều của bên ngoài: Kinh viết: Số lượng vi trần hiện có trong Tam thiên đại thiên thế giới nên cho là nhiều chăng? v.v... Ở đây, nêu số lượng vi trần trong Đại thiên thế giới là nhiều, là muốn đối chiếu để hiển bày phước của việc thọ trì kinh. Hiển bày thế nào? Là so với phước của việc thọ trì kinh, tức số lượng kia không nhiều. Như kinh nói: Các vi trần ấy, Như Lai nói tức phi vi trần. Phi vi trần: Là hiển bày về nghĩa không nhiều. Nếu do không nhiều gọi là “phi vi trần”, thì vì sao lại nói: “Đó gọi là vi trần”? Là dựa vào phần hạn của chính mình, là số

lượng vi trần của một Đại thiên thế giới.

Vượt quá số lượng nhiều của bên trong. Kinh viết: Thế giới hiện có, Như Lai nói là phi thế giới v.v... Trong ấy, thế giới: Là chúng sinh giới. Nơi Đại thiên thế giới, mỗi mỗi chúng sinh, số lượng vi trần thở vào thở ra nơi từng sát-na đều cũng là nhiều. Phi thế giới v.v...: Như nói về vi trần.

+ Nhân của sắc tướng Phật thù thắng: Kinh viết: Có thể dùng ba mươi hai tướng để thấy Như Lai chăng? v.v...

Đây là nêu rõ về nghĩa gì? Là hiển bày Pháp thân, thể là vô tướng. Như kinh nói: Ba mươi hai tướng tức là phi tướng. Phi tướng: Là không phải tướng

của Pháp thân. Đó gọi là tướng: Là tướng trượng phu của sắc thân Phật. Phước do thọ trì kinh là nhân của Pháp thân, không phải là nhân của các tướng, do đó phước ấy là hết sức thù thắng.

+ Vượt phước nội thí: Kinh viết: Nếu các thiện nam, thiện nữ, đem Hằng hà sa thân mạng để bố thí, cho đến: Phước ấy hơn trường hợp trước là vô lượng A-tăng-kỳ. Đây là nhân gì? Là tài thí. Xả bỏ thân mạng hãy còn như thế, huống chi là vật bên ngoài thì lại càng thua kém xa.

+ Thế nào gọi là xuất hiện đồng với Phật? Phật xuất hiện ở đời, kẻ phước mỏng khó gặp, kinh này cũng như thế,

người được nghe thì ít. Như kinh nói: Bảy giờ, Thánh giả Tu-bồ-đề, nghe giảng nói về pháp môn này, sinh tin hiểu sâu xa, cảm động bụi ngài rơi nước mắt, liền gạt lệ bạch Phật: Hy hữu thay thừa Đức Thế Tôn! v.v... Tu-bồ-đề là vị A-la-hán, theo Phật được giác ngộ, đối với chánh pháp ấy, từ xưa hãy còn chưa được nghe, thế nên cho là hy hữu, đồng với Phật hiện.

+ Mong có thể tin hiểu: Kinh viết: Nếu lại có người, được nghe kinh này, sinh khởi tưởng thật, nên biết người ấy đã thành tựu sự hy hữu tối thượng v.v...

Tưởng thật: Nghĩa là nghe pháp môn này là nhân của vô biên phước tin cho đó là thật.

Lại nữa, nghĩa là lãnh hội pháp khó có được, đồng với việc Phật xuất hiện ở đời, tin cho đây là thật.

Lại nữa, nghĩa là nghe ở đây nói tất cả pháp không sinh, không chỗ thủ đắc v.v..., tin cho là thật.

Nói tất cả pháp không sinh, vì sao nói sẽ sinh tướng thật? Tức tuy sinh tướng thật nhưng không hủy hoại không sinh. Như kinh nói: Tướng thật, tức là phi tướng. Do đó nên biết, sinh tướng thật là dựa nơi tục đế mà nói, còn đệ nhất nghĩa đế tức phi tướng thật.

Lại nữa, tục đế gọi là tướng thật: Là tướng của tục đế. Người ấy tuy tin các pháp là không sinh, nhưng không bỏ

pháp của tục đế. Do vậy sẽ được hy hữu tối thượng.

+ Khó có người tu hành: Kinh viết: Con nay được nghe pháp môn như thế, tin hiểu, thọ trì, không đủ cho là khó v.v...

+ Tin tu quả lớn: Kinh viết: Các chúng sinh ấy không còn khởi tưởng ngã, tưởng chúng sinh, tưởng mạng, tưởng thủ giả v.v... Nghĩa này là thế nào? Do đối với kinh ấy tin cùng hành, nên hiểu rõ, sinh tánh vô ngã, không khởi các tướng như ngã v.v... Vì sao? Vì có đối tượng được giữ lấy là ngã, trong ấy mới sinh khởi chủ thể giữ lấy tướng. Chủ thể giữ lấy tướng kia là theo ngôn thuyết của thế tục, còn nơi đệ nhất

nghĩa tức là phi tướng. Vì sao? Vì chư Phật Thế Tôn chứng đắc pháp vô ngã, xa lìa hết thảy tướng phân biệt, nên thể tướng của chư Phật gọi là quả lớn.

+ Tín giả thành tựu: Kinh viết: Nếu lại có người, được nghe kinh này, không kinh, không sợ, không hãi v.v...

Ở đây, không kinh: Nghĩa là, đối với lý không sinh của các pháp, tâm không kinh ngạc, hướng đến sinh đạo. Không sợ: Nghĩa là đối với tướng không hòa hợp của các pháp tâm không lo sợ, nhưng ở trong tướng hòa hợp của thế tục, nối tiếp phân biệt, cho là thật. Không hãi: Là tâm hoàn toàn quyết định không như thế.

Lại nữa, không kinh không sợ v.v...: Theo như thứ lớp, nghĩa là lúc nghe pháp, lúc tư duy, lúc tu tập, tâm an ổn không động. Các tướng như chúng sinh v.v... đã xa lìa.

+ Uy lực không gì hơn: Kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Như Lai giảng nói Ba-la-mật bậc nhất, thì Ba-la-mật bậc nhất ấy, vô lượng chư Phật cùng giảng nói như vậy v.v...

Thế nào gọi là bậc nhất? Là không gì sánh bằng. Vì sao không có gì sánh bằng? Vì trong tất cả pháp Phật, đều có uy lực tối thắng, hết thảy chư Phật đồng diễn nói.

Do 13 thứ nhân như vậy, nên phước của việc thọ trì kinh nhiều hơn phước do bố thí châu báu.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu trong tất cả pháp Phật, Bát-nhã Ba-la-mật là tối thượng thì sao còn khổ nhọc hành trì các Độ khác? Vì để loại trừ nghi vấn ấy, chỉ rõ là Bát-nhã đã thâm giữ các Độ kia, kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Như Lai nói Nhân nhục Ba-la-mật tức phi Nhân nhục Ba-la-mật v.v...

+ Phi Ba-la-mật: Là xa lìa tâm phân biệt ấy.

Thế nào là không phân biệt? Kinh viết: Như Ta vào thời xa xưa bị vua Ca-lợi cắt, chặt các chi phần nơi thân. Bây giờ, Ta không hề có các tướng ngã,

chúng sinh, mạng, thủ giả v.v... Nghĩa này là thế nào? Nếu có các tướng như ngã v.v..., tức thấy có mình, kẻ khác. Kẻ khác đến phạm nơi mình, tất sinh sân hận.

Nếu cho tướng không phân biệt là tâm ngu si, tâm si tạo nhân cho niệm giận dữ dấy khởi trở lại. Ở chỗ vị vua kia, ai có thể không kháng cự? Do không kháng cự, nên chúng biết là không tướng, cũng không phải là không tướng.

+ Không tướng: Đó là không có các tướng như ngã v.v..., không có tướng về mình người khác, cùng tướng giận dữ.

+ Không phải là không tưởng: Nghĩa là không phải ngu si. Do đâu ngu si gọi là không tưởng? Là do không thể xem xét là nên làm, là không nên làm.

Lại nữa, không tưởng, cũng không phải không tưởng: Là là nhiệm chấp phân biệt về tưởng, không tưởng.

Ở đây đã nói là lúc bị vua Ác hãm hại, đã thâm giữ nhẫn nhục. Lại muốn làm rõ là trong các thời gian khác cũng luôn thâm giữ. Kinh viết: Lại nhớ nghĩ về quá khứ, nơi năm trăm đời làm Tiên nhân Nhẫn nhục v.v... Đây là hiển bày về thời xa xưa, chưa gặp vua Ác, đã ở trong nhiều đời đoạn dứt các tưởng như ngã v.v..., đều do sức thâm giữ của Bát-nhã.

Lại nhằm làm rõ về chỗ thâu giữ Bồ-đề. Kinh viết: Bồ-tát nên lìa tất cả tướng để phát tâm Bồ-đề cầu đạt đạo quả Chánh giác Vô thượng. Tức do lìa các tướng nên đạt được Bồ-đề. Như nói: Ngồi nơi tòa Bồ-đề, hoàn toàn đoạn trừ tất cả tướng.

Thế nào là lìa tướng? Kinh viết: Không nên trụ nơi sắc để sinh tâm. Không nên trụ nơi thanh hương vị xúc pháp để sinh tâm. Nên không chỗ trụ để sinh tâm.

+ Nếu sinh tâm từ không chỗ trụ, thì vì sao trụ nơi Bồ-đề mà phát tâm? Vì do trụ nơi Bồ-đề nên là không chỗ trụ. Như kinh nói: Vì sao? Vì trụ như thế, tức là phi trụ. Nghĩa ấy là thế nào?

+ Trụ như thế: Là Tục đế.

+ Phi trụ: Là đệ nhất nghĩa đế.

Lại nữa, nói trụ nơi BỒ-đề tức là phi trụ. Như có kinh nói: BỒ-đề là xứ không trụ, thế nên phi trụ là tên gọi khác của trụ nơi BỒ-đề.

Đã nói Bát-nhã thâm giữ nhãn nhục. Vậy thâm giữ các Độ còn lại, sự việc ấy như thế nào? Kinh viết: Thế nên Phật nói: BỒ-tát, tâm không trụ nơi sắc để bỏ thí, không trụ nơi thanh hương vị xúc để bỏ thí. Ba thứ thí gồm thâm sáu Độ như trước đã nói. Năm Ba-la-mật, là nơi ba thứ phân biệt là vật thí, người thí, người nhận, tức là tướng của Bát-nhã Ba-la-mật. Thâm giữ các Độ còn lại, nghĩa ấy đã thành. Như nói năm

Ba-la-mật, nếu là Bát-nhã, thì như người không mắt mà không có thầy dẫn đường. Vì nhằm làm rõ phương tiện đó, kinh viết: Bồ-tát vì tạo lợi ích cho tất cả chúng sinh, nên bố thí như thế.

Hoặc có người suy nghĩ: Nếu không trụ nơi pháp mà hành bố thí, thì làm sao tạo lợi ích cho chúng sinh? Do đây, kinh viết: Tất cả tướng chúng sinh tức là phi tướng.

+ Tạo lợi ích: Là theo ngôn thuyết của tục đế. Đệ nhất nghĩa tức là phi tướng. Vì sao? Là do tướng chúng sinh giữ lấy các chúng sinh, chấp cùng với uẩn là khác, hoặc không khác. Còn trong đệ nhất nghĩa thì không thể thủ đắc. Như

kinh nói: Các chúng sinh ấy tức phi chúng sinh. Đây là làm rõ chỗ xa lìa hai thứ phân biệt về trí cùng đối tượng nhận biết.

+ Nói phi tướng: Là hiển bày trí vô tánh.

+ Phi chúng sinh: Tức đối tượng nhận biết, là vô tánh.

Hai thứ vô tánh ấy, Như Lai chứng đắc, thấu tỏ, các tướng vĩnh viễn dứt trừ, là chứng đắc vô tánh.

HẾT - QUYỂN 1

**LUẬN KINH KIM CƯƠNG BÁT
NHÃ BA LA MẬT PHÁ THỦ
TRƯỚC BÁT HOẠI GIẢ DANH**

QUYỀN 2

Thánh giả Tu-bồ-đề lại suy niệm: Chư Phật là tất cả tướng, chúng pháp vô tánh, vậy thế gian do tướng gì để tin, biết? Vì thế, kinh viết: Như Lai là chân ngữ, thật ngữ, như ngữ, không khác như ngữ.

Do đâu chỉ dùng bốn câu như vậy để hiển bày chư Phật chúng thật, là tướng? Do trong thế gian, người cầu danh lợi, đối với pháp của bậc Thượng nhân, chưa chúng nói là chúng. Phật khác với những kẻ ấy nên nói là Chân ngữ.

Lại có hạng tham lam keo kiệt, tình nhiều giả dối, từng đạt được thần thông, tự biết đã mất, có người tới hỏi,

chỉ nói phần trước đạt được. Đức Phật luôn xa lìa tâm ấy, nên gọi là Thật ngữ.

Lại có người tu đạt được định của thế gian, tâm tạm thời không sinh, cùng đồng với tịch diệt, nhưng hướng tới kẻ khác nói Ta chứng đắc Niết-bàn. Đức Phật hoàn toàn dứt trừ những thứ ngôn thuyết sai quấy ấy, nên gọi là Như ngữ.

Ở đây nói như là chọn lấy nghĩa như thị (như vậy), chỗ tùy theo chữ như, nên có thể so sánh, nhận biết, tất đồng hành. Như lúc nói về nghĩa, cùng đồng hành cùng trái nhau, cho đến nói rộng. Trong đó, đồng hành: Như bò mẹ đi tới thì bò con cũng theo đến. Như cùng như thị nên biết cũng thế.

Đây là hiển bày Đức Như Lai đoạn trừ tất cả chướng, như chỗ đã chứng sáng rõ kia, như vậy mà nói, nêu, chẳng đồng với kẻ học được thiên thể gian, nói chứng Niết-bàn, lại liền thối mất.

Vì sao lại nói “Không khác như ngũ”? Là do các kẻ phàm phu, đối với các thứ mộng huyễn, như thành Càn-thát-bà, tiếng vang, hình tượng dọn nắng khi trời nóng bức, các vòng lửa nối nhau v.v..., đối diện những thứ ấy, chấp trước, gọi là khác với như. Chư Phật thì không thế. Do đây nói là “Không khác như ngũ”. Đây lại là thế nào? Những người tất cả hàng phàm phu đã chấp giữ thành v.v..., phi thành là có, gọi là khác với như. Như Lai chứng đắc không phải là hư vọng, có tánh

không dối, nên gọi là không khác như, thế nên mọi ngôn thuyết chưa từng là hư vọng. Làm sao nhận biết được? Vì Phật đã dứt trừ sạch hết thảy các chướng, có sự chứng đắc cùng giáo pháp có thể biện minh.

Thế nào là chứng đắc? Ví như nói sắc là vô thường v.v... thì pháp của sắc hiện là vô thường v.v...

Thế nào là giáo pháp? Như có kinh nói: Đồng tử! Ta nhận biết tất cả. Thấy rõ tất cả. Lại nữa, chân v.v... là tên gọi của bốn đế, Như Lai chứng biết bốn lý thâm diệu ấy, do đó có thể thuyết giảng. Thuyết giảng mà không biết, là không có điều ấy.

+ Ở đây, chân ngữ: Là nói về các uẩn như sắc v.v... thuộc Khổ đế. Chân là khổ.

+ Thật ngữ: Là nói về nhân của khổ thật là ái thuộc Tập đế, không phải là tự tại v.v... có thể làm nhân.

+ Như ngữ: Là nói về Niết-bàn vô vi tất cả Diệt đế. Hữu vi là hư vọng, vô vi là trái lại. Như nói pháp vô vi tánh không hư vọng, gọi đó là như.

+ Không khác như ngữ: Là nói về Đạo đế. Là tám chi đạo, nói chứng đắc Niết-bàn, là hư dối, không thật. Đạo ấy có thể chứng đắc thật, không vọng.

Hoặc có suy niệm: Nếu chư Phật là tất cả tướng, thì làm sao ở nơi pháp hiện chứng có thể nói tám chi đạo là thật?

Nhập nước, lửa v.v... là vọng. Nói thật, vọng nên có tướng phân biệt. Vì thế, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Như Lai chúng đặc pháp, thuyết giảng pháp không thật, không vọng. Nghĩa ấy là thế nào? Như Lai chúng đặc đệ nhất nghĩa, bản tánh của tất cả pháp là không sinh. Không sinh nên không từng là có, vì sao gọi là thật. Đã không sinh thì đâu có thật? Do đây không phải là (phi) vọng. Hai cảnh thật – vọng đều không thể thủ đắc, thì đối với gì mà sinh khởi phân biệt? Pháp được nêu giảng là tánh của văn tự. Văn tự là hữu vi nên phi thật. Dựa vào đây mà chúng đặc thật, nên phi vọng.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu pháp được chúng đặc là không sinh, không tánh,

phi thật phi vọng, tức là thân đệ nhất nghĩa của chư Phật. Từ đây làm nhân, ba thân thành đủ. BỒ-tát do đâu xả bỏ pháp đã chứng đắc, trụ nơi sự v.v... mà hành bồ thí? Vì để loại trừ nghi vấn ấy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ví như có người đi vào chôn tối tăm, không thấy gì cả. Nếu BỒ-tát, tâm trụ nơi sự mà hành bồ thí v.v...

Hai dụ tối sáng này chỉ rõ về công đức, lỗi lầm của có trụ, không trụ. Nghĩa ấy là thế nào?

Như người trong chỗ tối tăm tối, bỏ đường bằng phẳng, đi vào nơi không phải đường, rơi vào nẻo khó khăn hiểm trở, chịu nhiều khổ nạn, tại xứ vui thích gần đây mà không đạt được. Nếu các BỒ-tát

trụ nơi sự để hành bố thí, là bỏ con đường bằng phẳng của tánh vô đắc, để đi vào nẻo hiểm trở của hữu đắc, ở trong sinh tử nhận lấy các thứ khốn ách, cảnh giới Niết-bàn, vào lúc nào mới có thể đến được?

+ Như người có mắt: Là đạt được Nhãn vô sinh.

+ Đêm tối đã hết: Là bỏ hẳn quả ái.

+ Ánh sáng mặt trời tỏa chiếu: Là quyết định nhận biết rõ về các pháp là vô tánh.

+ Thấy vô số sắc: Là tỏ ngộ tất cả pháp là vô sở đắc, là không diệt không sinh, không đoạn không thường, không một không khác, không đến không đi. Bồ-tát hành nơi xứ không trụ như thế, tất

mau chóng thành tựu chánh giác, đắc Đại Niết-bàn.

Trong tất cả pháp tu hành ấy, có hai lợi tựu, tha.

Tự lợi lại có giáo, nghĩa tu hành.

+ Giáo tu hành: Là thọ trì, đọc tụng.

+ Nghĩa tu hành: Là lắng nghe, tư duy.

Lợi tha: Nghĩa là vì người diễn nói. Như kinh nêu: Nay Tu-bồ-đề! Nếu các thiện nam, thiện nữ, đối với pháp môn này, thọ trì, đọc tụng, tu tập, diễn nói, Như Lai đều nhận biết người ấy, đều thấy rõ người ấy, sinh vô lượng nhóm phước đức như thế, nhận lấy vô lượng phước đức như thế.

+ Ở đây, thọ nhận (thọ): Là tạo tâm lãnh nạp.

+ Năm giữ (trì): Là ôn luyện, ghi nhớ không quên.

+ Đọc tụng: Là tụng rõ về văn.

+ Tu tập: Là lắng nghe cùng tư duy.

Vô lượng nhóm phước, sự việc ấy như thế nào? Kinh viết: Nếu các thiện nam, thiện nữ, buổi sáng đem thân mạng nhiều như Hằng hà sa đê bồ thí, cho đến: Đối với pháp môn này, tâm tin tưởng không hủy báng v.v... Bồ thí này, phước càng hơn hẳn so với trước, do sự cùng thời, hai thứ đều lớn. Sự lớn: Như kinh nói: Đem thân mạng nhiều như Hằng hà sa đê bồ thí. Thời

gian lớn: Như kinh nói: Trăm ngàn ức na-do-tha kiếp.

Tu hành đạt quả tự nhiên, nay nói thế nào gọi là quả tự nhiên? Nghĩa là người tu hành, từ lúc bắt đầu, cho đến chưa thành chánh giác, đời này đời khác đạt được các công đức. Gốc nơi đối tượng mong đạt tới là quả vị Phật, còn công đức là gì? Đó là ma cùng với dị đạo không thể gây trở ngại, loạn động. Là công đức lớn, nên quả phước bền chắc thù thắng, không gì sánh bằng. Là tư lương viên mãn của pháp khí tối thượng. Có thể tự tạo được sự tin hiểu sâu lớn khó hơn nơi xứ của nhân phước, diệt sạch hết thảy các tội, mau chóng chứng đắc địa.

Ở đây, ma cùng với dị đạo không thể gây trở ngại, loạn động: Như kinh viết: Pháp môn này không thể nghĩ bàn. Nghĩa ấy là thế nào? Do uy lực của pháp là không thể nghĩ bàn, nên người đó phước tuệ có được vượt quá cảnh của các trí. Vì vậy các loại tà đạo đều không thể gây trở ngại, loạn động.

+ Công đức lớn nên thù thắng, không gì sánh bằng: Như kinh viết: Không thể nêu xét. Do có thể thọ trì pháp môn này, nên uy lực, công đức của pháp là không thể lường xét, các thứ khác không thể sánh bằng, thế nên người đó là hết sức thù thắng.

+ Quả phước bền chắc: Như kinh nói: Vô lượng quả báo, kẻ tà vạy không thể

ngăn trở. Tức do công đức rộng lớn, nên ở trong hàng trời, người, thọ nhận các thắng phước, không gì có thể xâm đoạt.

+ Pháp khí tối thượng: Như kinh nói: Pháp môn này, Như Lai vì những người phát khởi Đại thừa nên thuyết giảng. Vì những người phát khởi Tối thượng thừa nên thuyết giảng. Tức pháp là chân thật, là tối thượng, nên thực hiện việc trao nhận là pháp khí.

+ Tư lương viên mãn: Như kinh viết: Nếu có người thọ trì, đọc tụng, tu tập, diễn nói v.v... Ở đây, thọ trì, đọc tụng, vì người khác giảng nói, nên phước đức tăng trưởng. Lắng nghe, tư duy nên trí tuệ tăng trưởng. Nêu rõ về tăng

trường như thế nào? Như kinh nói: Đều thành tựu vô lượng nhóm công đức không thể nghĩ bàn, không thể xưng nêu, không có biên vực.

+ Nói vô lượng: Là hiển bày công đức này không phải là cảnh giới của tất cả tâm có thể lường xét. Thế nên, mọi tư duy đều không thể nhận biết, không thể giữ lấy, gọi là không biên vực có thể đạt được.

+ Có thể tự đảm đang được sự việc khó hơn: Như kinh nói: Người như thế v.v..., tức có thể đảm nhận, hành trì đạo quả Bồ-đề Vô thượng của Như Lai. Nghĩa ấy là thế nào? Như Đức Phật đã thành tựu pháp vi diệu khó nghĩ bàn, cứu độ rộng khắp mọi chúng sinh khổ

não không sót loài nào. Người thọ trì kinh phải nên như thế.

+ Tin, hiểu rộng lớn, sâu xa: Kinh viết: Nếu là người vui thích pháp nhỏ, tức đối với kinh này không thể thọ trì, đọc tụng v.v...

Ở đây, tin hiểu rộng lớn: Là không có ý lạc nhỏ.

Tin hiểu sâu xa: Là không có các kiến như ngã v.v...

+ Xứ của nhân phước: Kinh viết: Tại khắp các xứ, nếu nêu giảng kinh này v.v...

Tích tập phước xả bỏ tội, nên gọi là Thập miếu (Chi-đề). Công đức của người có thể diễn nói pháp, so với nơi

chỗ đó là như nhau, tuy nơi chốn ấy không tư duy, thọ trì, nêu giảng.

+ Diệt trừ sạch hết tất cả tội: Như kinh viết: Nếu các thiện nam, thiện nữ thọ trì, đọc tụng kinh này, lại bị người khinh thường v.v...

Thọ trì kinh này mới dẫn đến thành Phật, trái lại bị người khinh chê. Sự việc ấy là sao? Kinh viết: Người ấy nơi đời trước đã tạo nghiệp tội đáng lẽ bị đọa vào đường ác, do đời nay thọ trì, đọc tụng kinh này, nên chỉ bị kẻ khác khinh chê, vì vậy nghiệp tội của đời trước liền được tiêu trừ. Phạm Như Lai nói: Nếu lại có người thọ trì kinh này, cho đến giảng nói rộng, người đó nơi đời hiện tại, hoặc gặp mộng ác, hoặc

mắc phải bệnh nặng, hoặc bị bức bách
xua đuổi khiến phải đi xa, nhục mạ,
đánh đập cho đến mất mạng, các thứ
nghiệp ác hiện có đều được tiêu trừ.
Lại có tụng nói:

Nếu người tạo nghiệp ác

Gây rồi sinh sợ hãi

Tự hối hoặc hướng người

Trừ hết mọi gốc rễ.

Tâm sợ hãi, sám hối tội lỗi hãy còn trừ
diệt gốc rễ, huống chi là có người thọ
trì chánh pháp. Ở đây, há không phải là
trái hẳn so với các giáo pháp khác sao!
Như nói:

Nghiệp tuy trải trăm kiếp

Nhưng trọn không hoại mất

Lúc các duyên hội hợp

Tất yếu sinh nơi quả.

Không phải là có mâu thuẫn. Đây lại là thế nào? Và như mười nghiệp bất thiện, là nghiệp của nẻo ác, do thọ trì chánh pháp cùng sám hối tội trước, nên quả của nẻo ác tuy vĩnh viễn không sinh, nhưng nơi thân hiện tại phải nhận các báo khổ. Hiện thọ nhận các khổ há là nghiệp hoại mất chăng? Không sinh nơi đường ác, không phải là dứt hết gốc rễ của tội chăng? Nếu có nghiệp vô gián quyết định, thì sau khi mạng chung nhất định sinh vào chốn ấy, nên kiếp trụ chỉ thọ nhận trong chốc lát rồi

ra khỏi, như vua A-xà-thế. Do đây không trái nhau.

+ Mau chóng chứng Địa: Kinh viết: Ta nhớ nghĩ về vô lượng A-tăng-kỳ kiếp nơi quá khứ, cho đến: Nếu lại có người, nơi đời vị lai, có thể thọ trì, đọc tụng kinh này, rộng vì người khác giảng nói, thì công đức của Ta có được do cúng dường chư Phật so với phước đức này, không bằng một phần trăm v.v...

Nghĩa này là thế nào? Phước đức có được do cúng dường vô biên chư Phật, không chứng đắc chân thật. Thọ trì pháp môn này thì mau chóng có thể chứng đắc. Do vậy, uy lực của công đức thọ trì kinh, nếu như chia làm trăm

phần, thì nhóm phước đức không bằng một. Như thế, ngàn phần, trăm ngàn phần, số phần, đều không bằng, theo loại nên biết.

+ Số: Nghĩa là sáu mươi bậc, quá bậc ấy trở đi thì số không thể đạt được.

+ Ca-la không đạt tới, so xét không đạt tới: Đây là dựa nơi nghĩa vi tế của Ca-la mà nói. Tức là phước của sự thọ trì kinh, tánh hết sức vi tế, công đức đã nhiều, không phải là chỗ đạt tới của công đức trước. Tận cùng nơi sự so xét, trọn không sánh bằng. Vi tế hãy còn như thế, huống chi là tất cả.

+ Ưu-ba-ni-sa: Là nhân. Nghĩa này là thế nào? Ở đây, phần ít trước, đối với quả tối thắng tức thành tánh nhân. Còn

toàn bộ nhóm phước đức ở trước cũng không thành nhân, không thể đạt được quả chân thật.

+ Thí dụ cũng không đạt được: Như có đồng nữ tên là Nguyệt Diện (Mặt như vàng trắng). Mặt của đồng nữ há có thể hoàn toàn giống với mặt trăng? Do có vẻ tươi sáng nên có phần ít tương đồng. Nhóm phước ở trước tức không như thế. Không có chút tương tự để có thể thí dụ. Đây lại là thế nào? Nghĩa là phước của việc chỉ thọ trì văn tự, thì phước trước so với đây là không có tánh tương tự, không phải là người phước mỏng mà có thể nghi nhận văn tự ấy. Như kinh nói: Nếu Ta nêu bày đầy đủ, thì hoặc có người nghe tâm tức mê hoặc mà sinh khinh thường. Nghĩa

là nghe nói về uy lực của công đức ấy, lúc suy xét thì không tin. Như kinh nói: Pháp môn này là không thể nghĩ bàn. Quả báo cũng không thể nghĩ bàn. Do uy lực thù thắng nên cả hai cùng khó xét lường.

Tôn giả Tu-bồ-đề do đâu lại nói: Phát khởi Bồ-tát thừa, nên làm thế nào để trụ? v.v... Muốn hiển bày đầy đủ tướng thanh tịnh của nhân, vì sao không đủ?

Thế nào là hiển bày đầy đủ? Nghĩa là nhân của sự tu tập không những chỉ là nơi tướng, tướng của ba sự liền gọi là thanh tịnh, mà còn phải xa là các tướng ngã trụ, ngã tu, ngã hàng phục tâm như vậy mới được thanh tịnh. Như

kinh viết: Nên sinh tâm như thế, cho đến: Thật không có pháp gọi là phát khởi Bồ-tát thừa. Đây lại là thế nào? Tức nơi đệ nhất nghĩa không có chúng sinh đặc Biệt-Niết-bàn, cũng không có pháp gọi là Bồ-tát phát tâm, trụ quả, tu hành, hàng phục. Ở trong không có, mà khởi có tướng, là hành điên đảo, không phải là nhân thanh tịnh.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu không có Bồ-tát phát tâm hướng tới Đại thừa, tức không có nhân để chứng đắc quả vị Phật, thành đủ bốn thứ nghiệp lợi ích. Vì sao Đức Thế Tôn, nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng đã được thọ ký: Ông nơi đời vị lai sẽ đạt được quả vị Phật, hiệu là Thích-ca Mâu-ni, có thể thành

tự bốn thứ sự đem lại lợi ích cho chúng sinh.

Vì nhằm đoạn trừ nghi vấn ấy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai, về thời xa xưa, nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng, từng có pháp để đặc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chẳng? v.v...

Ở đây, ý nói Đức Phật vào thời xa xưa, lúc chứng đắc nghĩa chân thật, được thọ ký, không thấy chút pháp nào gọi là Bồ-đề Vô thượng. Thế của nhân do “vô sở đắc”, nên được thọ ký. Đây tức chứng biết tất cả pháp đều vô sở đắc. Như kinh nói: Nay Tu-bồ-đề! Nói Như Lai, là do chân như. Chân như: Là nghĩa vô sở đắc. Tôn giả Tu-bồ-đề tâm

niệm: Ta đối với chỗ giảng nói ấy không còn nghi, nhưng có người nói: Nơi trụ xứ của Phật Nhiên Đăng nếu không thấy có pháp, thì sao có thể chúng đắc Bồ-đề, lên tòa giác ngộ, há cũng như thế? Do đây kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Nếu có người nói Như Lai chúng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng, thì người ấy nói không thật. Cho đến: Như Lai chúng đắc pháp, trong đó không thật không vọng. Nghĩa ấy là thế nào? Phạm là thật, vọng, là sinh nơi hữu đắc, có lúc nói thật hoại, có lúc nhận biết vọng. Trong vô sở đắc, thì hai thứ ấy cùng dứt.

Lại có suy niệm: Nếu Như Lai chỉ chúng vô sở đắc, thì Phật pháp tức chỉ một, không phải là vô biên. Thế nên

kinh nêu: Như Lai nói tất cả pháp đều là Phật pháp. Phật pháp nghĩa là gì? Tức là vô sở đắc. Chưa từng có một pháp nào có tánh có thể đắc, do đây, tất cả pháp không gì không là Phật pháp. Thế nào là tất cả đều vô sở đắc? Kinh viết: Tất cả pháp tức phi tất cả pháp. Thế nào là phi? Là tánh vô sinh. Nếu vô sinh tức là vô tánh. Thế nào gọi là tất cả pháp? Tức ở trong vô tánh, giả nêu bày, giảng nói.

+ Tất cả pháp không có tánh: Tức là tánh nơi Như Lai tạng của chúng sinh. Vì vậy, Đức Thế Tôn, thuận theo thứ lớp để mở bày, làm rõ. Kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ví như có người thân tướng diệu đại v.v...

Thân diệu đại: Nghĩa là thân tánh không.

Vì sao là diệu đại? Tùy theo nơi chốn hiện có, nhưng không khác, nên hết thấy chúng sinh đều cùng có. Như nói không tánh của một chúng sinh này, tánh không của tất cả chúng sinh kia, Như Lai có, chúng sinh cũng có. Do đâu chỉ nói Như Lai tạng nơi tất cả chúng sinh có. Không nói chúng sinh tạng nơi Đức Như Lai có. Do các chúng sinh chưa chứng đắc lý không, Như Lai thì đã chứng đắc. Như có kinh nói: Bên trong thân chúng sinh có Như Lai tạng gồm đủ tướng trang nghiêm, há chẳng đồng với vọng chấp thần ngã? Tuy nói như thế nhưng thấu tỏ về tánh không gọi là Pháp thân. Pháp thân là

nhân nên sinh ra sắc tướng, chẳng phải đồng với chỗ nói về ngã của ngoại đạo. Như Kinh Lăng Già, Bồ-tát Đại Tuệ bạch Phật: Thế Tôn! Trong Tu-đa-la nói: Như Lai tạng bản tánh thanh tịnh, có đủ ba mươi hai tướng, ở trong thân của tất cả chúng sinh thường trụ, bất biến. Vì tham sân si phân biệt hư vọng tạo cầu uế nơi uẩn giới xứ, dựa vào đây nên bị trói buộc, cũng như ngọc báu vô giá được bọc trong tấm áo dơ bẩn. Thế Tôn! Ở đây nói như thế nào, không đồng với tà luận của ngoại đạo? Ngoại đạo nói ngã là thường, là kẻ tạo tác, thế không phải là Cầu-na (Nương dựa, dựa nơi đế), hiện hữu khắp nơi, vô tận. Đức Phật bảo: Này Đại Tuệ! Ta giảng nói về Như Lai tạng, nghĩa không giống

với ngoại đạo nói về ngã. Như Lai tạng tức là tánh không nơi thật tế, Niết-bàn, với các nghĩa không sinh, không diệt, vô tướng, vô nguyện. Như Lai muốn ngăn dứt hẳn sự sợ hãi về vô ngã của kẻ ngu tối, nên nói về môn Như Lai tạng của cảnh giới không phân biệt, không hư vọng.

Này Đại Tuệ! Các Bồ-tát Ma-ha-tát hiện tại, vị lai, không nên ở chỗ chấp trước ấy sinh khởi ngã kiến, cho đến nói rộng.

Tôn giả Tu-bồ-đề vì muốn làm rõ về diệu thân, đại thân là nghĩa không tánh, nên kinh viết: Như Lai nói người có thân diệu, đại tức là phi thân. Phi thân nghĩa là do sắc thân dựa nơi nghĩa thật

mà nói, tánh không sinh, nên nói tánh không sinh là thân diệu đại, không phải là sắc thân. Ở trên đã nói về tướng của nhân thanh tịnh, nghĩa chưa viên mãn. Vì để được đầy đủ, kinh nêu: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát cũng như thế. Nếu nói: Ta sẽ độ thoát cho vô lượng chúng sinh, tức chẳng phải là Bồ-tát v.v... Do chính là nhằm trừ bỏ tất cả phân biệt về chủ thể hóa độ, đối tượng được hóa độ, thì Bồ-tát tu nhân mới được thanh tịnh.

Lại để thành tựu tâm không phân biệt, kinh viết: Từng có pháp gọi là Bồ-tát chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! cho đến: Phật nói tất cả pháp là không ngã, không chúng sinh v.v...

Trong đệ nhất nghĩa, không có Bồ-tát, không có phàm phu.

+ Ta sẽ làm trang nghiêm quốc độ của Phật, không gọi là Bồ-tát: Là do nhiệm chấp nơi nhân, nên đối với các nhóm như sắc v.v..., đã chấp giữ, cho là tạo thành cõi Phật.

+ Tức phi trang nghiêm: Là thật nghĩa không sinh.

+ Đó gọi là trang nghiêm: Là ngôn thuyết theo tục đế.

+ Thông tỏ pháp vô ngã, nên gọi là Bồ-tát: Là nhân thanh tịnh, là tất cả tướng.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu nhân thanh tịnh là các tướng, là có cảnh có thể đạt được, hay là không có? Thế nên ở đây

nói cảnh giới của Phật. Kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có Nhục nhãn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Nhục nhãn. Cho đến: Như Lai có Phật nhãn chăng? Tu-bồ-đề thưa: Đúng vậy, bạch Đức Thế Tôn! Như Lai có Phật nhãn v.v...

Do đâu Đức Thế Tôn nói đủ về năm thứ mắt? Là nêu bày về cảnh giới, không gì là không nhận biết rõ. Ở đây có số cảnh của chúng sinh và phi số cảnh của chúng sinh. Như kinh nói: Chúng sinh hiện có với từng ấy thứ tâm trụ v.v...: Là hiển thị về sự nhận biết rõ số cảnh của chúng sinh. Nơi Hằng hà sa số thế giới v.v...: Là làm rõ sự nhận biết về phi số cảnh của chúng sinh.

+ Từng ấy thứ tâm: Là mong muốn, vui thích không đồng.

+ Trụ: Là nối tiếp mà chuyển.

Hoặc khởi suy niệm: Tâm nếu có thể trụ, thì đây nên có thể. Do đây kinh viết: Như Lai nói các tâm trụ đều là phi tâm trụ.

+ Phi tâm trụ: Là nơi đê nhất nghĩa, không có nối tiếp. Như kinh nói: Vì sao? Nay Tu-bồ-đề! Tâm quá khứ không thể đạt được. Tâm hiện tại không thể đạt được. Tâm vị lai không thể đạt được. Đây lại là thế nào? Tức tâm quá khứ đã diệt. Tâm vị lai chưa sinh. Tâm hiện tại không dừng trụ, không hiện bày. Kinh Bảo Tích nói: Nay Ca-diếp! Tất cả chư Phật không

thấy tâm quá khứ, không thấy tâm vị lai, không thấy tâm hiện tại, cho đến nói rộng.

Kinh viết: Nếu nhóm phước đức có thật, Như Lai tức không nói là nhóm phước đức. Ý này là thế nào?

+ Nhóm (tụ): Là nghĩa tích tụ. Giả danh, không thật, thật tức phi nhóm. Đối với gì nói là nhóm? Vì sao biết là giả danh không thật? Nơi đệ nhất nghĩa, không có tích tụ, còn trong tục đế thì có ngôn thuyết. Như vậy, năm thứ mắt đều là vô sở đắc, là cảnh giới của Phật. Theo đây nên biết: Nhân tịnh là tướng, không có cảnh có thể thủ đắc. Do đó, trong Đại Bát-nhã Ba-la-mật, nói như vậy: Nay Tu-bồ-đề! Năm

thứ mắt của Như Lai, nơi đệ nhất nghĩa đều là vô sở đắc. Nếu nói là hữu đắc, là kẻ ngu đã hủy báng Như Lai.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu nơi đệ nhất nghĩa, cảnh giới của Phật là vô sở đắc, thì sắc tướng Như Lai phải chẳng cũng không có? Vì loại trừ nghi vấn ấy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thể dùng sắc thân đầy đủ để thấy chẳng? Tu-bồ-đề thưa: Không thể, bạch Đức Thế Tôn! v.v...

Đây là hiển bày về việc thấy Pháp thân Phật. Làm sao thấy? Như kinh nêu: Như Lai nói sắc thân đầy đủ tức phi sắc thân đầy đủ. Đây là dựa nơi thật nghĩa, tức ở nơi sắc tướng mà thấy Pháp thân.

+ Phi đầy đủ: Là Pháp thân. Như nói: Tánh vô sinh là Như Lai thường trụ, cho đến nói rộng.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu nơi đệ nhất nghĩa, cảnh giới của Phật cùng thân sắc tướng, đều không có thể tánh, thì há có đầy đủ các đức, thân tướng ngôn thuyết cũng lại không có, để trừ bỏ nghi vấn ấy, kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có khởi niệm: Ta có thuyết giảng pháp chăng? v.v... Nhằm khiến nhất định trừ bỏ chấp có thuyết giảng, nên kinh nêu: Nếu người nói Như Lai có thuyết pháp, tức là hủy báng Phật, cho đến: Không có pháp có thể thuyết giảng, đó gọi là thuyết giảng. Nghĩa này là thế nào? Là nói về vô thể. Tức không thấy có trong

ngoài, pháp lậu vô lậu, có tí chân thật để có thể nêu giảng.

Tôn giả Tu-bồ-đề lại muốn hiển bày, đối với pháp được thuyết giảng ấy, người tin nhận là khó. Thế nên nói: Từng có chúng sinh nơi đời vị lai, nghe giảng nói pháp này, sinh tâm tin tưởng chẳng?, cho đến: Đây là phi chúng sinh, phi chẳng chúng sinh v.v...

Thế nào là phi chúng sinh? Tức nơi đệ nhất nghĩa thì “là uẩn khác uẩn”. Suy cầu về thể không thể đạt được. Như kinh nói: Phi chúng sinh. Vì sao phi chúng sinh? Là do tục đế dựa nơi nghiệp quả tương ưng của năm uẩn mà thiết lập, giả đặt. Như kinh nói: Đó gọi là chúng sinh.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu nơi đệ nhất nghĩa, cảnh giới của Phật, sắc thân, thân ngôn thuyết, đều không thể thủ đắc, thì thể tánh của Pháp thân há cũng như thế? Nhằm trừ bỏ nghi ấy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Từng có pháp đề Như Lai chứng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? Tu-bồ-đề thưa: Không có, bạch Đức Thế Tôn! v.v... Nghĩa ở đây là thế nào?

Phật chứng đắc chân thật, không thấy có chút pháp nào là đối tượng được chứng đắc. Do vô sở đắc thế nên gọi là đạo quả Bồ-đề Vô thượng. Do đâu là vô sở đắc? Kinh viết: Pháp ấy bình đẳng không có cao thấp. Vì sao bình đẳng? Kinh nói: Do không ngã, không

chúng sinh, không mạng, không thủ giả. Như bình đẳng sinh trong vô ngã, nên vô ngã của pháp vô sở đắc cũng như vậy. Lý vô đắc ấy, do nhân gì để chúng đạt? Kinh viết: Tất cả pháp thiện.

Vì sao pháp thiện, là pháp có thể tánh có thể đắc, mà có thể chúng đạt lý vô sở đắc? Pháp không tương tợ đâu có thể thành nhân? Kinh viết: Pháp thiện, Như Lai nói là phi pháp. Thế nào là phi pháp? Là tánh vô sinh của đệ nhất nghĩa. Nên biết, nhân ấy tức là vô sở đắc.

+ Pháp thiện: Là ngôn thuyết của tục đế, không phải là nghĩa chân thật.

Do đâu lại dùng số lượng vi trần như núi Tu-di, để so sánh với phước đức có được do bố thí châu báu? Là nhằm khiến người tu hành tâm tinh tấn, dũng mãnh.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu Như Lai nói phi chúng sinh, thì vì sao không gọi là mâu thuẫn với những ngôn giáo khác? Như có kinh nói: Vô lượng chúng sinh, do được Ta làm thiện tri thức, nên các khổ như sinh v.v..., đều được giải thoát. Để trừ bỏ nghi vấn ấy, kinh viết: Này Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai khởi niệm này: Ta hóa độ chúng sinh chằng? cho đến: Thật không có chúng sinh để Như Lai hóa độ v.v...

+ Không có chúng sinh: Là nói về đệ nhất nghĩa. Lại nữa, do tâm đại bi thâm giữ đồng với chính mình.

+ Nếu thật có chúng sinh khác với Như Lai, là đối tượng được hóa độ, thì Như Lai tức có bốn thứ chấp giữ như ngã v.v... Vì sao? Vì nếu thấy có mình là chủ thể hóa độ chúng sinh, là ngã thủ. Do đâu không muốn có các thủ như ngã v.v...? Kinh viết: Ngã thủ, Như Lai nói là phi thủ.

+ Phi, là nghĩa gì? Đó là bất thiện. Vì sao bất thiện? Vì trói buộc chúng sinh ở nơi sinh tử.

+ Lại nữa, phi: Là nghĩa không có thể tánh. Đây lại là thế nào? Do không có đối tượng được giữ lấy là ngã, nên

cũng không có chủ thể giữ lấy. Nếu các thủ như ngã v.v..., không có thể tánh có thể đạt được, thì đâu cần dùng việc loại trừ ngã, để nói là phi thủ? Là do các phàm phu vọng chấp giữ điên đảo, nên nói phi thủ là để khiến họ hiểu rõ. Như kinh nói: Chỉ do kẻ phàm phu không trí, sinh chấp giữ sai lạc v.v...

Chưa được là Thánh giả, là đều ở nơi ngã tự cho là có sai biệt mà sinh khởi, gọi là phàm phu sinh. Đây tức phi sinh, bất thiện sinh. Như người bất thiện, gọi là phi nhân. Lại, pháp từ duyên khởi, không có ngã tạo tác, nên gọi là phi sinh. Thế nên nói phàm phu sinh khởi, là theo thế tục mà nói.

Do các chúng sinh, đối với sắc thân Phật sinh nhiều chấp giữ, do đó lại nói sắc thân vô tánh. Kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Có thể dùng tướng thành tựu để thấy Như Lai chăng? cho đến: Chuyển luân Thánh vương nên là Như Lai v.v... Đức Phật muốn khiến, đối với thân như sắc, thấy được nghĩa Pháp thân, lúc thọ trì dễ, nên nói tụng:

Nếu dùng sắc thấy Ta
 Dùng âm thanh cầu Ta
 Người ấy đi đường tà
 Không thể thấy Như Lai.
 Như Lai pháp làm thân
 Chỉ nên quán pháp tánh

Pháp tánh không chỗ thấy

Trí cũng không thể biết.

Dùng sắc thấy Ta v.v..., nghĩa ấy là thế nào? Nghĩa là có người thấy tướng tốt sáng tỏ, nói là đã thấy Phật. Lại có người nghe nhận văn tự của kinh v.v..., nói là mình đã gắn bó nên “đạt được” Như Lai. Kẻ ấy nói: Ở nơi thân tướng hảo, cùng thân ngôn thuyết duyên dựa tu tập, sẽ dứt trừ phiền não. Vì nhằm loại bỏ kiến chấp đó, kinh viết: Người ấy đi đường tà, không thể thấy Như Lai. Nghĩa đó là thế nào? Sắc cùng văn tự, tánh không chân thật, trong ấy, chấp giữ là đường tà. Đi nơi đường đó thì sao có thể thấy Phật. Thế

nào là thấy? Kinh viết: Như Lai pháp làm thân, chỉ nên quán tánh pháp.

+ Pháp tánh: Đó là tánh không, không tự tánh, tánh không sinh. Đây tức là thân đệ nhất nghĩa của chư Phật. Nếu thấy thân ấy tức là thấy Phật. Như có kinh nói: Không sinh, không diệt là Như Lai. Kinh Thập Vạn Tụng lại nói như vậy: Từ Thị do thấy tánh không, gọi là thấy Như Lai. Trong Kinh Tát Già lại nói: Thấy không chấp giữ vướng mắc là thấy Phật.

Nếu không chấp giữ, vướng mắc, gọi là thấy Phật: Thì duyên nơi pháp tánh, tức không phải là chấp giữ vướng mắc, do trí tịnh nên tâm nhận biết rõ về pháp

tánh, pháp tánh phải chăng là đối tượng được nhận biết rõ? Do đây, kinh viết:

Pháp tánh không phải là đối tượng được nhận thấy

Trí kia cũng không thể nhận biết.

(Pháp tánh phi sở kiến

Bỉ diệc bất năng tri).

Xứ của pháp tánh không có một vật nào có thể gọi là đối tượng được nhận biết. Do vậy, trí kia cũng không là chủ thể nhận biết. Như có kinh nói: Đây Đại vương! Tánh của tất cả pháp cũng như hư không, cùng với các vật làm chỗ nương dựa. Nhưng thể tánh của hư không ấy không phải là có vật, cũng không phải là không vật, có thể ở trong

ấy vắng bật không còn nhận biết gọi là nhận biết rõ. Gọi là sự nhận biết, là theo ngôn thuyết của tục đế.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu trí cũng không thể Niết-bàn về pháp tánh, thì vì sao chư Phật gồm đủ tướng trượng phu mà chúng đắc Bồ-đề? Tức do thấy tướng trượng phu đầy đủ, nên chúng đắc Bồ-đề. Nhằm dứt trừ nghi vấn này, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Ý của Tôn giả thế nào? Như Lai có thể dùng các tướng thành tựu để chúng đắc đạo quả Bồ-đề Vô thượng chăng? v.v...

Ở đây là hiển bày về tướng pháp giới. Nghĩa ấy là thế nào? Nếu tướng thành tựu là chân thật có, thì tướng này lúc diệt tức gọi là đoạn. Không có Bồ-tát

thấy pháp là đoạn. Vì sao? Vì do sinh nên tức có đoạn. hết thấy pháp, tánh là không sinh, do đây xa lìa hai biên thường, đoạn. Xa lìa hai biên là tướng pháp giới. Thế nên ở đây nói phước do có thể tin hiểu về vô sinh nhiều hơn so với phước do bố thí châu báu. Như bảy báu trong các cõi dùng để bố thí, nếu Bồ-tát chứng đắc vô ngã nơi pháp Nhãn vô sinh v.v..., chỉ ở nơi vô sinh vui nhận tu tập, phước nhiều hơn trường hợp kia. Như có tụng nói:

Nếu người giữ chánh pháp
 Cùng phát tâm Bồ-đề
 Chẳng như hiểu nơi không
 Một của mười sáu phần.

Hoặc có suy niệm: Nếu tất cả pháp là không sinh, thì vì sao có phước đức sinh khởi? Thế nên kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát không nên chấp giữ phước đức v.v...

+ Không nên chấp giữ phước đức: Tức không phải trong đệ nhất nghĩa có phước để có thể giữ lấy.

Tu-bồ-đề bạch Phật: Bồ-tát không giữ lấy phước đức: Là Bồ-tát đối với phước cần phải tròn đủ.

Đức Phật nói: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát nên giữ lấy: Là theo tục đế. Không nên tham chấp: Là theo đệ nhất nghĩa đế.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu đệ nhất nghĩa không có phước để có thể giữ lấy, thì do đâu nơi các kinh khác nói: Tư lương

phước, trí của Như Lai viên mãn, an tọa nơi tòa Bồ-đề, hướng đến Niết-bàn.

Vì nhằm loại trừ nghi vấn này, nên kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai hoặc đi hoặc đến, hoặc đứng, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy không hiểu được ý nghĩa của những điều Ta đã nêu giảng v.v...

Niết-bàn không có xứ sở chân thật để đến nơi ấy, gọi đó là đi. Sinh tử cũng không có xứ sở chân thật, để từ đây ra khỏi, gọi đó là lại. Không đi không lại là nghĩa Như Lai. Đây tức là hiển bày về Niết-bàn vô trụ. Tuy sinh tử, Niết-bàn không có một, khác, nhưng ở nơi lao ngục của ba cõi, dẫn dụ chúng sinh,

tận cùng nơi đời vị lai, đều được lợi ích.

* Lại nữa, nghi nêu: Nếu sinh tử, Niết-bàn không thể thủ đắc, nên không có đi, lại, thì Như Lai phải chẳng như núi Tu-di v.v..., là một hợp nhất tích tụ được an trụ?

Vì nhằm loại trừ kiến chấp cho trong ấy là một, là thường, là một hợp thể có phần, không phần, nên kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Nếu các thiện nam, thiện nữ, đem Tam thiên đại thiên thế giới nghiền nát thành vi trần, thì số lượng vi trần ấy nên cho là nhiều chẳng? v.v...

+ Ở đây, vi trần rất nhiều: Là loại trừ kiến chấp về hợp nhất không phần.

+ Không phải là các vi trần: Là loại trừ kiến chấp về hợp nhất có phần.

+ Đó gọi là các vi trần: Tức không phải là vật có phần, để gọi đó là chúng, là nhiều.

Lại đề loại trừ kiến chấp về sự tích tụ, kinh viết: Như Lai nói Tam thiên đại thiên thế giới tức phi thế giới v.v... Do đâu lại nói là phi thế giới? Kinh viết: Nếu thế giới là thật có. Tức là kiến chấp về hợp nhất.

Do đâu không muốn có kiến chấp về một hợp nhất? Kinh viết: Tức là phi kiến. Thế nào là phi kiến? Tức ở trong không phải là có, mà vọng kiến. Như kinh nói: Một hợp nhất, tức là không thể nêu bày, song do hàng phàm phu

ngã kiến nên chấp giữ sự ấy. Nghĩa này là thế nào? Một hợp nhất: Là tướng của tục đế, không phải là có chân thật. Vì sao? Vì nơi đệ nhất nghĩa, bản tánh của tất cả các pháp là không sinh. Không sinh nên không thể thủ đắc. Không thể thủ đắc nên lìa mọi ngôn thuyết. Nhưng hàng phàm phu chấp ngã, trong ấy đã chấp giữ sai lạc. Nếu không muốn ngã kiến cùng với giáo pháp trái nhau, như có tụng nói:

Ngã dùng tự nương dựa

Há dùng tha để nương?

Kẻ trí điều phục ngã

Sinh thiên, thọ an lạc.

Vì loại bỏ nghi ấy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Nếu có người nói: Như Lai đã nói về các kiến như ngã, chúng sinh, mạng, thủ giả, nói như vậy là chánh ngữ chẳng? v.v...

Đức Phật do đâu đã nói về ngã kiến? Là để dẫn dụ, thâm giữ chúng sinh khiến tin, vui, nên ở đây, đối với năm uẩn, theo tục đế gọi là nói, không phải cho là chân thật. Do đó, đối tượng thấy ngã của chư Phật, tánh là xa lìa. Như kinh nói: Tức phi ngã kiến v.v... Đức Thế Tôn do đã lìa các kiến chấp về hợp nhất như ngã v.v... đối với sinh tử, Niết-bàn nên chúng đắc Bồ-đề. Lại thương xót muôn loài, muốn khiến họ cùng chúng đắc, do vậy, kinh viết: Nay Tu-bồ-đề! Bồ-tát phát tâm hướng tới

Bồ-tát thừa, đối với tất cả pháp nên nhận biết như thế, thấy rõ như thế, tin hiểu như thế.

+ Không sinh thấy biết của tướng pháp:
Là nói về lúc chứng đắc.

+ Tin hiểu: Là nói về lúc tu học.

Người tin, hiểu, thì tướng pháp hãy còn không sinh, huống hồ là tướng phi pháp.

+ Ở đây nói tướng pháp, tướng phi pháp: Là tướng pháp, phân biệt như pháp, phân biệt không như pháp. Như pháp do đâu không sinh? Kinh viết: Tướng pháp, Như Lai nói là phi tướng pháp. Đây lại là thế nào? Hết thấy pháp, tánh vô sinh. Nếu là vô sinh tức không có, thế thì ở đâu để thấy biết? Là

do tục đế. Như kinh viết: Đó gọi là tướng pháp.

Do đâu lại nói về phước của việc thọ trì kinh? Là nhằm khiến chúng sinh tin tưởng trọn vẹn. Kinh viết: Như không diễn nói, đó gọi là diễn nói. Đây là nói về điều gì? Tức nơi đệ nhất nghĩa không có thể gian, xuất thể gian, không có một chút hoặc pháp hoặc vật để có thể nêu bày.

+ Có thể nơi nghĩa như thật, thuyết giảng như thế, mới gọi là thuyết giảng. Đây là Niết-bàn vô trụ, quán xét hữu vi, sau đây mới chứng đắc. Quán xét như thế nào? Kinh viết: Bảy giờ, Đức Thế Tôn nói tụng:

Tất cả pháp hữu vi

Như sao, màng, đèn, huyền
Sương, bọt, mộng, chớp, mây
Nên tạo quán như thế.

Nay trong tụng này, quán xét thể tướng của 9 thứ hữu vi. Những gì gọi là 9 thứ? Đó là quán xét về:

1. Tự tại.
2. Cảnh vật.
3. Chuyển động.
4. Thể tánh.
5. Thiếu thạnh.
6. Thọ mạng.
7. Sự tạo tác.
8. Tâm ý.

9. Có – không.

+ Quán xét về tự tại như tinh tú (Tinh): Ví như tinh tú hiện rõ hình tượng nơi hư không, theo phương vận hành, ánh sáng tỏa chiếu rực rỡ, giả khiến trụ lâu, trọn tùy kiếp hết. Như vậy, nơi hàng trời, người, thọ nhận các phước báo, của cải nhiều, ngôi vị lớn, được bao nhiêu người chiêm ngưỡng. Tuy tự tại lâu, hợp cũng quy về không.

+ Quán xét cảnh vật như màng nơi mắt nhắm (É): Ví như mắt bị nhắm có màng che, ở trong hư không thanh tịnh thấy có những vòng tròn li ti như hoa bay nơi hai mắt trắng. Vô minh che phủ thức cũng lại như thế. Nơi lý chân thật không có xứ của vật mà thấy vô số

các pháp trong ngoài, thể gian, xuất thể gian.

+ Quán xét về chuyển động như ngọn đèn (Đăng): Ví như ngọn đèn cháy sáng, tức nơi xứ sinh, diệt, không đến xứ khác, nhưng nhân nơi ngọn lửa ấy mà ngọn lửa nơi các xứ khác sinh, niệm niệm nối tiếp như có dời động. Chúng sinh cũng vậy. Các uẩn của nẻo trước, tức ở nơi nẻo trước diệt, không đi đến nẻo khác. Nhưng nhân nơi uẩn trước mà uẩn của nẻo sau sinh, do sự nối tiếp nên giống như dời động, nói là các phàm phu đi đến nẻo khác.

+ Quán xét về thể tánh như huyễn (Huyễn): Như nhân nơi sức huyễn, biến làm người nữ, dung mạo ưa nhìn,

thể tánh không có, kẻ không biết rõ, chấp giữ cho là chân thật. Tất cả pháp cũng lại như thế. Từ duyên vọng sinh, khởi đầu là thể không thật. Người chưa rõ thật, sinh kiến chấp cho là có thể.

+ Quán xét về thiếu thạnh như sương (Lộ): Ví như sương buổi sớm, thấy mặt trời tức tan. Dung mạo, hình sắc của tuổi trẻ cường tráng cũng lại như thế. Một gặp vô thường, đã vội theo hướng suy tàn.

+ Quán xét thọ mạng như bọt nước (Bào): Ví như bọt nước, hoặc có khi mới sinh, chưa thành thể tướng. Hoặc vừa sinh xong, trụ trong chốc lát, liền quy về tan hoại. Thọ mạng cũng lại như vậy. Khởi đầu, thác sinh nơi bào

thai, sinh ra, từ là đứa bé, rồi thiếu niên, trung niên, cho đến lão suy, quy về hoại diệt.

+ Quán xét về sự tạo tác như mộng (Mộng): Ví như trong mộng theo chỗ thấy nghe trước, nhớ nghĩ phân biệt, huân tập khiến trụ. Tuy không người tạo tác nhưng vô số cảnh giới hiện tiền phân minh. Như vậy, chúng sinh từ vô thủy đến nay, có các phiền não nơi nghiệp thiện, bất thiện huân tập mà trụ. Tuy không có ngã là chủ thể tạo tác, nhưng hiện bày vô biên sự việc sinh tử.

+ Quán xét về tâm ý như ánh chớp (Điện): Ví như ánh chớp lúc sáng lên tức diệt. Tâm cũng như thế, sát-na tắt lụi, dứt.

+ Quán xét về có, không như áng mây (Vân): Như mây nơi không trung, trước không sau có, khoảnh khắc lại tan. Các pháp hữu vi cũng lại như thế. Thể tánh vốn không, từ vọng duyên có. Có duyên đã tan, trở lại là không.

Lại nữa, trước dựa nơi tục đế, dùng chín dụ như sao v.v..., an lập pháp hữu vi. Sau dựa nơi đê nhất nghĩa của Trung Luận: Tất cả pháp: không diệt, không sinh, không đoạn, không thường, không nhất, không dị, không đến, không đi. Cùng trong Bát-nhã Ba-la-mật: Tất cả pháp, tánh không tích tập, dùng trụ. Giải thích tụng này, về nghĩa như thế nào?

Ví như ánh sáng của ngôi sao, tự thể luôn diệt. Hữu vi cũng thế. Tánh thường đời, tàn.

Như kẻ mắt bị nhắm, tuy không có người tạo tác, nhưng duyên bệnh nên sinh. Hữu vi cũng vậy, chỉ theo duyên khởi.

Ví như đèn cháy sáng, niệm niệm luôn dứt, hữu vi như thế, sát-na chẳng dừng.

Như huyền tạo ra, kẻ không biết rõ, chấp giữ cho là thật, thường. Kẻ ngu mê thật, chấp giữ pháp hữu vi cũng lại như vậy.

Ví như đám sương móc đọng nơi các vật, tuy thấm ướt khắp, nhưng thể chỉ là một. Đó là nội uẩn hữu vi thấm

nhuần, nối tiếp sinh khởi, có bản tánh riêng cũng đồng cùng với tham ái.

Như nhân nơi những giọt nước mưa tích tụ thành đám bọt nước, đều riêng nhau mà thành, đều riêng nhau mà diệt. Các hành của chúng sinh cũng lại như vậy. Tám vạn bốn ngàn thứ riêng sinh riêng diệt.

Như cảnh trong mộng, đến không từ đâu, nhưng tâm mộng kia vọng thấy xứ đến. Hữu vi cũng thế, tới không thể thủ đắc, vô minh là mộng, thức vọng thấy là đến, đi.

Ví như ánh chớp lóe lên, tánh không dời động, xứ trước diệt trước, xứ sau sinh sau, do tướng tương tự, gọi đó là đi.

Các pháp hữu vi đến, đi cũng lại như thế.

Ví như mây nơi hư không, chẳng phải là luôn tích tập, dừng trụ. Tướng của hữu vi giống với đây, nên biết.

Như vậy gọi là dựa nơi tục để an lập pháp hữu vi.

Như trong Trung Luận thành lập nghĩa chẳng sinh v.v... chân thật, đối với pháp hữu vi nên nhận biết như thế. Đây lại là thế nào? Trong Luận kia, do tự, tha cùng không nhân, quán xét các pháp vốn nghĩa không sinh. Như vậy, tựa như màng che, pháp hữu vi sinh, nên biết là không sinh. Do không sinh nên ánh sáng của sao có diệt là trái với đạo

lý. Hữu vi cũng thế, nên biết là không diệt.

Lại nữa, không sinh, nên ngọn đèn ấy, tự thể hãy còn không thể thủ đắc, sao có sát-na để nói là đoạn? Hữu vi chẳng đoạn, giống với đây nên biết.

Lại nữa, không sinh nên tự huyền tạo ra. Pháp của hữu vi không có nghĩa thường, nên biết là chẳng thường.

Lại nữa, không sinh nên giống như sương buổi sớm. Các pháp hữu vi nghĩa một chẳng thành. Ai có thể làm nhuần thấm sự sinh không hợp với lý, nên biết là chẳng một.

Lại nữa, chẳng sinh nên tự như bọt nước. Pháp hữu vi sai biệt nơi tánh

khác chẳng thành, nên biết là chẳng khác.

Lại nữa, không sinh nên tợ cảnh trong mộng. Pháp của hữu vi vốn không nghĩa đến, nên biết là chẳng đến.

Lại nữa, không sinh nên tợ như ánh chớp. Pháp của sinh diệt, do tương tợ nên nói là đi. Lý không tương ưng, nên biết là chẳng đi.

Lại nữa, không sinh nên pháp ấy như mây, thể hã còn không có, há có tích tụ, dừng trụ? Như vậy, nên nhận biết. Tụng viết:

Tôi nay: Công Đức Thí

Vì phá các mê chấp

Mở bày môn Trung quán

Lược nêu nghĩa kinh này.

Nguyên các loài chúng sinh

Thấy nghe hoặc thọ trì

Chiếu chân không hoại trụ

Tâm thấu tỏ, vô ngại.

HẾT - QUYỂN 2

HẾT